1. 100 sự kiện trọng đại về Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Thái Anh biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 191tr.; 21cm

HVL2854, HVL2855

2. 1000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Hải Kế: chủ biên; Lâm Mỹ Dung, Nguyễn Văn Khánh...: biên soạn. - T. 2. - H.: Chính trị Quốc gia, 2000. - 306tr.; 22cm.

HVL332, HVL697, HVL698, HVL978

3. 1000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Hải Kế: chủ biên; Lâm Mỹ Dung, Nguyễn Văn Khánh,...: biên soạn, T.1. - H.: Chính trị Quốc gia, 2000. - 393tr.; 22cm.

HVL333, HVL695, HVL696, HVL977, HVV3468

4. 1000 hình ảnh Hà Nội - Việt Nam xưa/ Nguyễn Khắc Cần, Nguyễn Ngọc Diệp: sưu tầm. - H.: Văn hóa dân tộc, 2010. - 391tr.; 20cm

HVL3064, HVL3065

5. 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Những hoạt động quân sự tiêu biểu/ Đỗ Trình: chủ biên, Lê Đình Sĩ, Hoàng Thị Thảo: biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2000. - 333tr.; 21cm

HVL961, HVL962

6. 1000 năm Thăng Long - Hà Nội: Toàn tập/ Bùi Tuyết Mai: chủ biên; Phan Huy Lê, Nguyễn Hữu Thùy, Đỗ Quyên...: biên soạn. - H.: Khoa học xã hội, 2010. - 232tr.; 29cm

HVL3138, HVL3139

7. 36 đình, đền, chùa Hà Nội/ Quốc Văn: biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 123tr.; 21cm. - (Thăng Long Hà Nội ngàn năm văn hiến)

HVL2652, HVL2653

8. 36 kiến trúc Hà Nội/ Quốc Văn: biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 138tr.; 21cm

HVL2636, HVL2637

9. 36 lễ hội Thăng Long - Hà Nội/ Quốc Văn: tuyển chọn, biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 126tr.; 21cm

HVL2842, HVL2843

10. 36 món ngon Hà Nội/ Quốc Văn tuyển chọn. - H.: Thanh niên, 2010. - 191tr.; 21cm.

HVL2850, HVL2851

11. 36 ngôi trường nổi tiếng đất Thăng Long - Hà Nội/ Lam Khê, Khánh Minh: sưu tầm, tuyển chọn. - H.: Thanh niên, 2010. - 155tr.; 21cm

HVL2882, HVL2883

12. 36 nhân vật lịch sử, văn hóa nổi tiếng Thăng Long - Hà Nội/ Lam Khê, Khánh Minh sưu tầm, tuyển chọn. - H.: Thanh niên, 2010. - 111tr.; 21cm

HVL2848, HVL2849

13. 36 phố cổ Thăng Long Hà Nội / Khánh Minh: biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 195tr.; 21cm

HVL2610, HVL2611

14. 36 sản vật Thăng Long - Hà Nội/ Lam Khê, Khánh Linh: sưu tầm, biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 127tr.; 21cm

HVL2650, HVL2651

15. 36 thần tích, huyền tích Thăng Long - Hà Nội/ Lam Khê, Khánh Minh: sưu tầm, biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 139tr.; 21cm

HVL2773, HVL2774

16. 36 truyền thuyết Thăng Long - Hà Nội/ Bích Hà: sưu tầm và biên soạn. - H.: Thanh Niên, 2010. - 166tr.; 21cm

VL2844, HVL2845, HVL2846, HVL2847

17. 36 vị thần Thăng Long - Hà Nội / Hoàng Khôi biên soạn. - H.: Thanh Niên, 2010. - 247tr.; 21cm

HVL2864, HVL2865

18. 40 năm Điện Biên Phủ trên không qua tư liệu ảnh (1972 - 2012). - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2012. - 176tr.; 21cm

- ĐTTS ghi: Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Thông tấn xã Việt Nam.

HVL3349

19. 40 năm nhớ lại trận "Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không". - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2012. - 487tr.; 24cm

- ĐTTS ghi: Quân chủng phòng không - Không quân.

HVL3368

20. 50 năm thành tựu quy hoạch Thủ đô = 50 years of achievements in the planning of the national capital. - H. : [KNxb], 2020. - 137tr.: ảnh ; 25cm

HVL4026, HVL406

21. 60 năm báo chí Thủ đô: Sự kiện - Nhân vật - Tác phẩm (1954 - 2014). - H.: Nxb. Hà Nội, 2014. - 532tr.: ảnh; 24cm

HVL3502, HVL3503, VL50039, VL50040

22. 60 năm giải phóng Thủ Đô thành tựu, thời cơ, thành tựu và phát triển. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2015. - 819tr.; 24cm

VL50547,VL50548, DC003836,VL000463

23. 60 ngày đêm giữ chợ Đồng Xuân: Hồi ký/ Vũ Tâm: kể, Lê Bầu: ghi. - H.: Nxb. Hà Nội, 1987. - 252tr.; 19cm

HVV980

24. 9 danh nhân thành Thăng Long. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 203tr.; 21cm

HVL2765, HVL2766

25. Ẩm thực Thăng Long - Hà Nội/ Đỗ Thị Hảo: chủ biên. - H.: Phụ nữ, 2010. - 427tr.; 24cm

VL3003, HVL3004

26. Ấn tượng Hà Nội - Từ kí họa những công trình thời Pháp = Impressions of HaNoi - From the sketches of French colonial buildings : Dành cho tuổi trưởng thành . - H.: Kim Đồng, 2020. - 197tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24cm

HVL4022, DC004141

27. Atlas Thăng Long - Hà Nội/ Trương Quang Hải: Tổng chủ biên; Nguyễn Trần Cầu, Nguyễn Quang Ngọc...: chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 180tr.; 30cm

HVL3016, HVL3017

28. Bà mẹ Việt Nam anh hùng. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 780tr.; 27cm

HVL923

29. Bà mẹ Việt Nam anh hùng huyện Từ Liêm, Q.1. - H.: [knxb], 1995. - 220tr.; 19cm.

HVV2293, HVV2294

30. Ba Vì anh hùng đổi mới và phát triển. - H.: Lao động xã hội, 2008. - 96tr.; 29cm

HVL2390

31. Bác Hồ với Ba Đình. - H.: [Knxb], 1986. - 136tr.: ảnh.; 19cm

HVV693

32. Bác Hồ với các tướng lĩnh/ Kim Dung, Chí Thắng, Việt Hải. - H.: Thanh niên, 2000. - 190tr.; 19cm

HVV3104, HVV3105

33. Bác Hồ với nhân dân Hà Nội. - H.: Sở Văn hóa thông tin, 1970. - 195tr.; 25cm

HVL12

34. Bác Hồ với nhân dân huyện Thạch Thất. - H.: Ban tuyên giáo, 1990. - 55tr.; 19cm

HVV1111, HVV1112

35. Bác Hồ với thủ đô Hà Nội. - H.: Sở Văn hóa thông tin, 1990. - 204tr.: ảnh.; 19cm

HVV1109, HVV1110

36. Bác Hồ với Thủ đô Hà Nội, Thủ đô Hà Nội với Bác Hồ/ Nguyễn Công Soái, Phan Đăng Long, Phạm Xuân Hằng: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2008. - 851tr.; 21cm

HVL2166 , HVL2167

37. BẠCH DIỆN NGUYỄN VĂN CƯ. Hà Nội xưa và nay: Ký sự/ Bạch Diện Nguyễn Văn Cư. - H.: Hội Nhà văn, 2015. - 397tr.; 21cm

HVL3684, HVL3685, VV78041, DC003865, VV013088

38. Bách khoa thư Hà Nội, T.14, Bảo tàng - di tích. - H.: Từ điển bách khoa, 2000 .- 328tr.; 27cm.

VL17711, VL17712

39. Bách khoa thư Hà Nội, T.15, Du lịch. - H.: Từ điển bách khoa, 2000. - 273tr.; 27cm.

VL17709, VL17710, HVL743, HVL744

40. Bách khoa thư Hà Nội, T.1: Lịch sử. - H.: Thời Đại, 2010. - 755tr.; 27cm

HVL3222, HVL3223

41. Bách khoa thư Hà Nội, T.2: Địa lý. - H.: Thời Đại, 2010. - 371tr.; 27cm

HVL3224, HVL3225

42. Bách khoa thư Hà Nội, T.3: Chính trị. - H.: Thời Đại, 2010. - 529tr.; 27cm

HVL3226, HVL3227

43. Bách khoa thư Hà Nội, T.3: Chính trị. - H.: Từ điển Bách khoa, 2000. - 345tr.; 27cm.

HVL737,HVL738, VL17715, VL17716

44. Bách khoa thư Hà Nội, T.4: Pháp luật. - H.: Thời Đại, 2010. - 307tr.; 27cm

HVL3228, HVL3229

45. Bách khoa thư Hà Nội, T.4: Pháp luật. - H.: Từ điển Bách khoa, 2000. - 220tr.; 27cm.

HVL739, HVL740, VL17713, VL17714, HVL739, HVL740

46. Bách khoa thư Hà Nội, T.5: kinh tế. - H.: Thời Đại, 2010. - 529tr.; 27cm

HVL3230, HVL3231

47. Bách khoa thư Hà Nội, T.6: Khoa học và công nghệ. - H.: Thời Đại, 2010. - 426tr.; 27cm

HVL3232, HVL3233

48. Bách khoa thư Hà Nội, T.6: Khoa học và công nghệ. - H.: Từ điển Bách khoa, 1999. - 190tr.; 27cm

HVL682, HVL683, VL16746, VL16747, VL17908

49. Bách khoa thư Hà Nội, T.7: Khoa học xã hội và nhân văn. - H.: Thời Đại, 2010. - 255tr.; 27cm

HVL3234, HVL3235

50. Bách khoa thư Hà Nội, T.10: Văn học. - H.: Thời Đại, 2010. - 655tr.; 27cm

HVL3240, HVL3241

51. Bách khoa thư Hà Nội, T.11: Tiếng Hà Nội. - H.: Thời Đại, 2010. - 279tr.; 27cm

HVL3242, HVL3243

52. Bách khoa thư Hà Nội, T.12: Nghệ thuật. - H.: Thời Đại, 2010. - 455tr.; 27cm

HVL3244, HVL3245

53. Bách khoa thư Hà Nội, T.13: Thông tin xuất bản. - H.: Thời Đại, 2010. - 349tr.; 27cm

HVL3246, HVL3247

54. Bách khoa thư Hà Nội, T.15: Du lịch. - H.: Thời Đại, 2010. - 241tr.; 27cm

HVL3248, HVL3249

55. Bách khoa thư Hà Nội, T.16: Tín ngưỡng tôn giáo. - H.: Thời Đại, 2010. - 199tr.; 27cm

HVL3250, HVL3251

56. Bách khoa thư Hà Nội, T.17: Phong tục lễ hội. - H.: Thời Đại, 2010. - 266tr.; 27cm

HVL3252, HVL3253

57. Bách khoa thư Hà Nội, T.18: Thể dục thể thao. - H.: Thời Đại, 2010. - 210tr.; 27cm

HVL3254, HVL3255

58. Bách khoa thư Hà Nội, T.8: Giáo dục. - H.: Thời Đại, 2010. - 375tr.; 27cm

HVL3236, HVL3237

59. Bách khoa thư Hà Nội, T.9: Y tế. - H.: Thời Đại, 2010. - 263tr.; 27cm

HVL3238, HVL3239

60. Bách khoa thư Hà Nội, T.14 Di tích Bảo tàng/ Nguyễn Hữu Quỳnh: chủ biên, Phạm Mai Hùng, Nguyễn Thế Long,. - H.: Thời đại, 2010. - 27cm

DM16889, VL39085

61. Bách khoa thư Hà Nội, T.14: Di tích Bảo tàng/ Nguyễn Hữu Quỳnh: chủ biên, Phạm Mai Hùng, Nguyễn Thế Long. - H.: Thời đại, 1999. - 27cm

VL17909

62. Bách khoa thư Hà Nội: Khoa học xã hội và nhân văn/ Vũ Khiêu, Hoàng Minh Thảo, Đặng Đức Siêu: biên soạn, T.7: Khoa học xã hội và nhân văn. - In lần thứ nhất. - H.: Văn hóa thông tin, 2006. - 259tr.; 27cm

HVL2202

63. Bách khoa thư Hà Nội: Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội 1010 - 2010, T.5: Kinh tế. - H.: Văn hóa thông tin, 2006. - 534tr.; 27cm

VL27534, VL27535

64. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng. T. 4: Khoa học và công nghệ. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 412tr.; 24cm

- ĐTTS ghi Thành ủy - Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội-

HVL3804

65. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng. T. 5: Khoa học xã hội và nhân văn. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 495tr.; 24cm

HVL3805

66. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng. T.14: Thể dục thể thao. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 268tr.; 24cm

HVL3814

67. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ B.s.: Hoàng Bảo Châu, Nguyễn Khắc Hiền (ch.b.), Dương Trọng Hiếu.... T.13: Y tế. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 770tr., 8tr. ảnh màu; 24cm

HVL3813

68. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ B.s.: Lê Xuân Tùng, Đinh Hạnh (ch.b.), Hoàng Hữu Tuyển... T.3: Kinh tế. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 644tr.: 10tr. ảnh: bảng; 24cm

HVL3803

69. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ B.s.: Nguyễn Quang Lân, Lại Hồng Khánh (ch.b.), Trần Đức Thanh.... T. 9: Du lịch. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 671tr., 24tr. ảnh màu: sơ đồ; 24cm

HVL3809

70. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ B.s.: Nguyễn Quang Ngọc, Nguyễn Văn Truyền (ch.b.), Phạm Văn Lợi... T. 2: Lịch sử - Chính trị - Pháp luật. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 772tr., 2 tr. ảnh: bản đồ; 24cm

HVL3802

71. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ B.s.: Nguyễn Viết Chức, Lại Hồng Khánh (ch.b.), Nguyễn Văn Dấn.... T.12: Di tích - Bảo tàng. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 770tr., 8tr. ảnh màu; 24cm

HVL3812

72. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ B.s.: Nguyễn Viết Chức, Nguyễn Vinh Phúc (ch.b.), Giang Quân... T.11: Phong tục - lễ hội. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 584tr., 8tr. ảnh màu; 24cm

HVL3811

73. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ Nguyễn Chí Mỳ, Lại Hồng Khánh: đồng chủ biên... T.7: Văn học. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 671tr.; 24cm

HVL3807

74. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ Nguyễn Hữu Độ, Bùi Xuân Đính: đồng chủ biên; Nguyễn Thị Lệ Hà...: biên soạn. T.6: Địa lý. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 671tr.; 24cm

HVL3806

75. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ Nguyễn Viết Thịnh: chủ biên, Đỗ Thị Minh Đức, Phạm Hoàng Hải...: biên soạn. T.1: Địa lý. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 671tr., 18tr. ảnh: bảng, bản đồ; 24cm

HVL3801

76. Bách khoa thư Hà Nội: Phần Hà Nội mở rộng/ Nguyễn Vĩnh Cát, Nguyễn Hữu Quỳnh (ch.b.), Lê Ngọc Canh....: biên soạn. T. 8: Nghệ thuật. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 671tr., 39tr. ảnh; 24cm

HVL3808

77. Bách khoa thư Hà Nội - Việt nam / Nguyễn Khắc Cần / Nguyễn Ngọc Diệp biên soạn. - H.: Văn hóa dân tộc, 2000. - [kn] ; 19 cm

VN.017745

78. Bách thần Hà Nội/ Nguyễn Minh Ngọc: biên soạn. - Cà Mau: Nxb. Mũi Cà Mau, 2001. - 292tr.; 19cm

HVV3548, HVV3549

79. Bài học kinh nghiệm trong sự nghiệp bảo vệ, giải phóng Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Văn Tài: chủ biên; Văn Đức Thanh, Nguyễn Như Hoạt, Nguyễn Văn Thân... - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 400tr.; 24cm

HVL3194, HVL3195

80. Sơ thảo lịch sử cách mạng huyện Hoài Đức (1926 - 1945). - H.: Nxb. Hà Nội, 1982. - 85tr.: ảnh, bản đồ.; 19cm

HVV472

81. Bản đồ cổ Hà Nội và vùng phụ cận. - H.: Thế giới, 2008. - 79tr.; 23cm

HVL2425

82. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Hà Nội. - H.: Nxb. Hà Nội, 1980. - 190tr.; 19cm

HVV413

83. BĂNG SƠN. Hà Nội rong ruổi quẩn quanh/ Băng Sơn. - H.: Kim Đồng, 2013. - 189tr.; 22cm

HVL3391, HVL3392

84. BĂNG SƠN. Những nẻo đường Hà Nội: Tùy bút/ Băng Sơn. - H.: Giao thông vận tải, 1998. - 566tr.; 19cm

HVV2905, HVV2906

85. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội/ Võ Quang Trọng: chủ biên; Đinh Hồng Hải, Kiều Thu Hoạch...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 296tr.; 24cm

HVL3030, HVL3031

86. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Chí Bền: chủ biên; Đặng Văn Bài, Trần Lâm Bền...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 404tr.; 24cm

HVL3080, HVL3081

87. Bảo vật quốc gia Thăng Long Hà Nội. - H.: Nxb. Hà Nội, 2017. - 159tr.; 24cm

HVL3795, DC003923

88. Biên niên lịch sử Thăng Long - Hà Nội : Phần bổ sung / Phan Phương Thảo chủ biên; Biên soạn: Phan Phương Thảo, Đỗ Hương Thảo, Phạm Đức Anh,... . - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 1099tr. : ảnh ; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54663, HVL3991, VL003529, DC004092

89. Biên niên lịch sử Thăng Long - Hà Nội/ Phạm Xuân Hằng, Phan Phương Thảo: đồng chủ biên; Hoàng Hồng...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 1256tr.; 24cm

HVL3180, HVL3181

90. Biên niên sử phong trào thơ mới Hà Nội (1932 - 1945)/ Nguyễn Hữu Sơn chủ biên; Biên soạn : Nguyễn Thị Kim Nhạn, Nguyễn Thanh Tâm, Nguyễn Tiến Thịnh. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T. 1 . - 2019. - 779tr.

VL54679, HVL4007, VL003545, DC004108

91. Biên niên sử phong trào thơ mới Hà Nội (1932 - 1945)/ Nguyễn Hữu Sơn chủ biên; Biên soạn : Nguyễn Thị Kim Nhạn, Nguyễn Thanh Tâm, Nguyễn Tiến Thịnh. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T. 2 . - 2019. - 815tr.

VL54680, HVL4008, VL003546, DC004109

92. Bố cái Đại vương Phùng Hưng - Thân thế, cuộc đời và sự nghiệp. - H.: Văn học, 2019. - 368tr. ; 24cm

VL54334, HVL3922, VL003186, DC004025

93. BỘI TỈNH. Người đẹp Nghi Tàm, cuộc đời và thơ bà Huyện Thanh Quan/ Bội Tỉnh. - H.: Giáo dục, 1996. - 325tr.; 19cm

HVV2282, HVV2283

94. Bùi Bằng Đoàn với cách mạng Việt Nam . - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2020 . - 315tr.; 24cm

VL55046

95. BÙI THIẾT. Đối thoại Thăng Long - Hà Nội/ Bùi Thiết. - H.: Văn hóa-Thông tin, 2009. - 495tr.; 24cm

HVL2914, HVL2915

96. BÙI THIẾT. Làng xã ngoại thành Hà Nội/ Bùi Thiết. - H.: Nxb. Hà Nội, 1985. - 325tr.; 19cm

HVV3397, HVV3398, HVV611

97. BÙI VĂN NGUYÊN. Truyền thuyết ven Hồ Tây: Phụ lục. Khái quát về kho tàng văn nghệ dân gian Hà Nội/ Bùi Văn Nguyên, Vũ Tuấn Sán, Chu Hà. - H.: Văn nghệ Hà Nội, 1975. - 9tr .: ảnh.; 19cm

HVV195, TNV3550

98. BÙI XUÂN ĐÍNH. Giáo dục và khoa cử nho học Thăng Long - Hà Nội/ Bùi Xuân Đính. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 955tr.; 24cm

HVL2836

99. BÙI XUÂN ĐÍNH. Người đứng đầu Thăng Long - Hà Nội (1010 - 1945)/ Bùi Xuân Đính. - H. : Khoa học xã hội, 2020. - 603tr. : bảng, sơ đồ ; 21cm

VV85743, HVV4738, VV020471, DC004146

100. Các di tích lịch sử - văn hóa quận Hai Bà Trưng. - H.: Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng, 2003. - 244tr.: ảnh; 22cm

HVL3859, DC003969

101. Các làng khoa bảng Thăng Long - Hà Nội: Sách tham khảo/ Bùi Xuân Đính, Nguyễn Viết Chức: Chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2010. - 623tr.; 24cm

HVL3130, HVL3131

102. Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075 - 1919)/ Ngô Đức Thọ chủ biên; Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thúy Mùi: biên soạn. - H.: Văn học, 1993. - 1024tr.; 25cm

HVL310, HVL311

103. Các nhà khoa bảng, trí thức và nghệ nhân tiêu biểu huyện Thường Tín (1075 - 2015)/ Nguyễn Tiến Minh, Phùng Văn Quốc, Nguyễn Văn Tiến .. : biên soạn. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 344tr.; 21cm

HVL3776,HVL3777

104. Các quận - huyện - thị xã thành phố Hà Nội xưa và nay. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 271tr. : ảnh ; 24cm

VL55053, HVL4031, VL003784, DC004147

105. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Hà Nội/ Nguyễn Đình Lê: chủ biên; Lê Đình Hùng, Trương Thị Bích Hạnh, Hồ Thành Tâm: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 296tr.; 24cm

HVL3160, HVL3161

106. CAO HUY ĐỈNH. Người anh hùng làng Gióng/ Cao Huy Đỉnh. - H.: Khoa học xã hội, 1969. - 185tr .: ảnh, bản đồ.; 19cm

HVV178, HVV726

107. Câu đối Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Văn Thịnh, Lê Phương Duy, Đinh Thanh Hiếu...:Tuyển dịch và giới thiệu. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 948tr.; 24cm

HVL3012, HVL3013

108. Châu bản triều Nguyễn về Hà Nội / Đào Thị Diến chủ biên ; Phan Huy Lê cố vấn khoa học ; Biên soạn : Nguyễn Thu Hoài, Cao Việt Anh, Hoàng Thị Nguyệt,…. - H. : Nxb. Hà Nội, 2019. - 818tr. : ảnh, bảng ; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54649, HVL3977, VL003515, DC004078

109. Chủ tịch Hồ Chí Minh với thủ đô Hà Nội (1945 - 1969). - H.: Sở Văn hóa thông tin, 1985. - 71tr.; 25cm

HVL55, HVL56

110. CHU TRỌNG HUYẾN. Nguyễn Công Trứ, con người và sự nghiệp/ Chu Trọng Huyến. - H.: Khoa học xã hội, 1995. - 222tr.; 19cm

HVV2159, HVV2160

111. Chu Văn An người thầy của muôn đời. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2012. - 225tr.; 21cm

HVL3338, HVL3339

112. Chúng ta đem vinh quang sức dân tộc trở về : Kỷ niệm 65 năm ngày Giải phóng Thủ đô 10-10-1954 / 10-10-2019 . - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019. - 119tr. : ảnh ; 29cm

HVL4042

113. Công an thủ đô những chặng đường lịch sử. T.1: Chống thù trong giặc ngoài - Chiến đấu 9 năm trong lòng Hà Nội địch tạm chiếm (1945 - 1954). - H.: Nxb.Công an nhân dân, 1990. - 273tr .: ảnh.; 19cm

HVV1129, HVV1130

114. Cuộc chiến đấu của Liên khu III - Đống Đa - Quận V Hà Nội. - H.: Văn hóa - Thông tin, 2001. - 382tr.; 19cm

HVV3650, HVV3656, TLVV305, TLVV306, TLVV307, TLVV308

115. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Hà Nội. - H.: Nxb. Hà Nội, 1986. - 190tr.; 19cm

HVV702

116. Cuộc vận động Cách mạng tháng 8 ở Hà Nội: Cuối năm 1939 - đầu năm 1946 In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung. - H.: Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Thành ủy Hà Nội, 1975. - 175tr.; 19cm

HVV350

117. Đại tướng Lê Trọng Tấn người của những chiến trường nóng bỏng. - H. Văn học, 2014. - 455tr.: ảnh; 21cm

HVL3504, HVL3505, VV73544, VV73545, VV010396

118. Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp: Sách ảnh. - Tái bản. - H.: Thông tin

và truyền thông, 2014. - 217tr.: ảnh màu; 24cm

HVL3483, VL49851, VL49852, VL000158, VL000159

119. Đại tướng Văn Tiến Dũng vị tướng kiên cường mưu lược. - H.: Văn học, 2014. - 319tr.: ảnh; 21cm.

HVL3423, HVL3424, VV73550, VV73551, VV010538

120. Đan Phượng kiên cường đánh giặc. - H.: [Knxb], 1986. - 174tr.: ảnh.; 19cm

HVV673, HVV674

121. Đan Phượng kiên cường. - H.: Phòng văn hóa huyện Đan Phượng, 1970. - 34tr.; 19cm

HVV556

122. Đảng bộ huyện Thanh Oai từ đại hội đến đại hội (1945 - 2020) . - H.: Thông tấn, 2020. - 242tr. : ảnh ; 24cm

HVL3924, VL003194, DC004027

123. Đảng bộ Thành phố Hà Nội 90 năm xây dựng và phát triển. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 253tr. : bảng ; 21cm

VV84307, HVV4707, VV018914, DC004026

124. Bác Hồ với Đảng bộ và nhân dân Thanh Trì. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 90tr.; 19cm

HVV3566, HVV3567

125. Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Quốc Oai. T.1: 1930 - 1945. - H.: [KNxb], 1983. - 74tr.; 19cm

HVV653

126. Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội: 1954 – 1975. - H.: Nxb. Hà Nội, 1995. - 294tr.; 22cm

HVL730

127. Lịch sử Đảng bộ Cộng sản Việt Nam thành phố Hà Nội. Sơ thảo (1926 - 1954). - H.: Nxb. Hà Nội, 1989. - 407tr.; 19cm

HVV1084, HVV1085

128. ĐẶNG DUY PHÚC. Nguyễn Du với Thăng Long - Hà Nội/ Đặng Duy Phúc. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 255tr.; 21cm

HVV4622, VV80593, DC003933, VV015381

129. ĐẶNG DUY PHÚC. Sống mãi với Thăng Long - Hà Nội/ Đặng Duy Phúc. - H.: Nxb. Hà Nội, 2002. - 626tr.; 21cm

HVL1066, HVL1067, TLVL63

130. ĐẶNG DUY PHÚC. Thăng Long - Đông Kinh - Hà Nội quê hương và nơi hội tụ nhân tài / Đặng Duy Phúc. - In lần thứ 3. - H.: Thời đại, 2010. - 255tr.; 21cm

HVL2634, HVL2635

131. ĐẶNG DUY PHÚC. Thăng Long - Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử / Đặng Duy Phúc. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 479tr.: ảnh, sơ đồ; 21cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VV84817, HVV4732, VV019549, DC004136

132. ĐẶNG HUY PHÚC. Thăng Long Hà Nội qua các thời kỳ/ Đặng Huy Phúc. – H.: Thời đại, 2010. - 543tr.; 21cm

HVL2640, HVL2641

133. ĐẶNG THÁI HOÀNG. Hà Nội nghìn năm xây dựng/ Đặng Thái Hoàng. - H.: Nxb. Hà Nội, 1980. - 85tr .: 1 bản đồ; 19cm

HVV1659, HVV1660, HVV796

134. ĐẶNG THÁI HOÀNG. Kiến trúc Hà Nội thế kỷ XIX - Thế kỷ XX/ Đặng Thái Hoàng. - H.: Nxb. Hà Nội, 1999. - 198tr.; 27cm

HVL680, HVL681

135. ĐẶNG TÍNH. Chính ủy Đặng Tính thơ và đồng đội / Đặng Tính. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 225tr. : ảnh ; 19cm

VV82337, HVV4667, VV017206

136. ĐĂNG TRUNG. Hoa hồng gai nhọn: Đôi nét về nghệ sĩ nhân dân Đặng Thái Sơn/ Đăng Trung. - H.: Thanh niên, 1994. - 75tr.; 19cm

HVV1543

137. ĐẶNG VIỆT THỦY. Hỏi đáp về những trận đánh lớn ở Thăng Long Hà Nội/ Đặng Việt Thủy, Đặng Thành Trung. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 194tr.; 21cm

HVL2614, HVL2615

138. ĐẶNG VIỆT THỦY. Những trận đánh điển hình trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của Thăng Long Hà Nội / Đặng Việt Thủy, Đặng Thành Trung. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 190tr.; 21cm

HVL2674, HVL2675

139. Danh nhân Hà Nội, T.2. - H.: Hội văn nghệ Hà Nội, 1976. - 319tr.; 19cm

HVV185

140. Danh nhân Hà Nội. T.1. - H.: Hội văn nghệ Hà Nội, 1973. - 362tr.; 19cm

HVV706, HVV707, HVV3383

141. Danh nhân Hà Nội / Vũ Khiêu: chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2004. - 691tr.; 24cm

TLVL101, TLVL102

142. Danh nhân lịch sử văn hóa Tể tướng - Tiến sĩ Nguyễn Mậu Tài (1616 - 1688) thân thế - sự nghiệp/ Nguyễn Thanh Nam chủ biên. - H.: Hồng Đức, 2016. - 328tr.; 24cm

HVL3770

143. Danh nhân Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Khiêu: chủ biên, Nguyễn Hữu Sơn, Tạ Ngọc Liễn...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 1008tr.; 24cm

HVL3156, HVL3157

144. Danh tướng Phạm Tu: Khai quốc công thần nhà tiền Lý thượng thủy tổ họ Phạm Việt Nam. - H.: Văn học - nghệ thuật Hà Nội, 2003. - 152tr.; 19cm

HVV4289

145. Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh quê Hà Nội/ Nguyễn Sinh Thủy: biên soạn. - H.: Thanh niên, 2013. - 260tr.; 21cm

HVL3434, HVL3435, VL49049, VL49050

146. ĐÀO THỊ DIẾN. Hệ thống văn bản pháp quy về xây dựng và quản lý Thành phố Hà Nội từ 1885 đến 1954 / Đào Thị Diến. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 650tr.: ảnh, bảng; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54660, HVL3988, VL003526, DC004089

147. Dấu xưa chuyện cũ Thăng Long - Hà Nội/ Đỗ Thị Hảo: chủ biên. - H.: Phụ nữ, 2014. - 327tr.; 24cm

HVL3643, HVL3644, VL51151, VL51152

148. Di sản Văn hóa quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội. - H.: Văn hóa - Thông tin, 2010. - 416tr.; 22,5cm

HVL3687

149. Di tích khảo cổ học Đàn Xã Tắc Thăng Long = Thăng Long - Xã Tắc altar archaeological site / Tống Trung Tín chủ biên; Nghiên cứu và biên soạn: Tống Trung Tín, Nguyễn Hồng Kiên, Bùi Minh Trí,.... - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 298tr.: hình vẽ, ảnh ; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54674, HVL4002, VL003540, DC004103

150. Di tích lịch sử - văn hóa Hà Nội. - H.: Chính trị Quốc gia, 2000. - 682tr. 22cm

HVL960

151. Di văn thời Tây Sơn trên đất Thăng Long - Hà Nội/ Trần Nghĩa, Lâm Giang, Vũ Thanh Hằng...: Tuyển dịch và giới thiệu. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 860tr.; 24cm

HVL3022, HVL3023

152. Địa bạ cổ Hà Nội: Huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận/ Phan Huy Lê: chủ biên; Phạm Thế Long: hệ thống tư liệu; Phan Huy Lê, Nguyễn Quang Ngọc, Nguyễn Hải Kế...: nghiên cứu chuyên đề. - T.2. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 768tr.; 24cm

HVL3052, HVL3053

153. Địa chí Cổ Loa/ Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân: đồng chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 832tr.; 24cm

HVL3110, HVL3111

154. Địa chí Hoài Đức. T. 1. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2018. - 694tr.; 30cm

HVL3864, VL53345, DC003974, VL002504

155. Địa chí Hoài Đức. T. 2. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2018. - 694tr.; 30cm

HVL3865, VL53346, DC003975, VL002505

156. Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. - H.: Sở Văn hóa và Thông tin Hà Nội, 1991. - 315tr.; 25cm

HVL269, HVL270

157. Địa danh hành chính Thăng Long - Hà Nội: Từ đầu thế kỷ XIX đến nay / Nguyễn Thị Việt Thanh chủ biên; Biên soạn: Đào Thị Diến, Trần Thanh Hà, Phùng Thị Thanh Lâm... - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 563tr.: bảng, sơ đồ; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54644, HVL3972, VL003510, DC004073

158. Địa danh Thăng Long Hà Nội / Lam Khê, Khánh Linh: sưu tầm, biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 315tr.; 21cm

HVL2612, HVL2613

159. Địa lí Hà Nội / Nguyễn Viết Thịnh chủ biên; Biên soạn: Đỗ Thị Minh Đức, Vũ Văn Phái, Phạm Hoàng Hải. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 823tr. : minh họa ; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54661, HVL3989, VL003527, DC004090

160. Địa lý Hoài Đức. - H.: Trường Đại học Sư phạm, 1986. - 75tr.; 25cm

HVL189

161. Điều kiện tự nhiên tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong định hướng phát triển không gian thủ đô Hà Nội/ Đỗ Xuân Sâm: chủ biên; Lê Đức An, Nguyễn Văn Cư...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 592tr.; 24cm

HVL3076, HVL3077

162. ĐINH GIA THUYẾT. Tiểu sử các tên phố Hà Nội/ Đinh Gia Thuyết. - H., 1951. - 77tr.; 25cm

HVL09

163. ĐÌNH QUANG. Văn học nghệ thuật Thăng Long - Hà Nội quá khứ và hiện tại: Sách tham khảo/ Đình Quang. - H.: Chính trị Quốc gia, 2001. - 272tr.; 19cm

HVV3642, HVV3643, TLVV379, TLVV380, TLVV381, TLVV382

164. Đỗ Đức Dục - Nhà trí thức cách mạng dấn thân: Biên khảo/ Đỗ Thị Hồng Lạng biên soạn. - H.: Hội Nhà văn, 2018. - 403tr.: ảnh; 21cm

HVV4653

165. ĐỖ QUANG HƯNG. Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long - Hà Nội/ Đỗ Quang Hưng. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 360tr.; 24cm

HVL2952, HVL2953

166. ĐỖ THỊ HƯƠNG THẢO. Thi hương thời Nguyễn: Qua hai trường thi Hà Nội và Nam Định/ Đỗ Thị Hương Thảo. - H.: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016. - 417tr.: ảnh; 24cm

HVL3737, DC003895

167. ĐỖ THỊ MINH ĐỨC. Dân cư Thăng Long - Hà Nội / Đỗ Thị Minh Đức, Nguyễn Viết Thịnh. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 330tr.: minh họa; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54645, HVL3973, VL003511, DC004074

168. ĐỖ THỈNH. Địa chí vùng ven Thăng Long: Làng xã - Di tích - Văn vật/ Đỗ Thỉnh. - H.: Văn hóa thông tin, 2000. - 448tr.; 20,5cm

HVV3090, HVV3091

169. ĐỖ THỈNH. Làng quả/ Đỗ Thỉnh. - H.: Hà Nội, 1980. - 59tr.: minh họa.; 19cm

HVV410, HVV411

170. ĐỖ THỈNH. Người vùng ven Thăng Long/ Đỗ Thỉnh. - H.: Văn hóa thông tin, 1998. - 470tr.; 19cm

HVV2682, HVV2683

171. ĐỖ THỈNH. Từ sông Tô đến sông Nhuệ: Địa chí/ Đỗ Thỉnh. - H.: Nxb. Hà Nội, 1986. - 201tr.; 19cm

HVV694

172. ĐỖ VĂN NINH. Quốc Tử Giám trí tuệ Việt/ Đỗ Văn Ninh. - H.: Văn hóa thông tin, 2010. - 175tr.; 21cm

HVL2664, HVL2665

173. ĐOÀN HOÀI TRUNG. Thắng B52 trên bầu trời Hà Nội/ Đoàn Hoài Trung. - H.: Quân đội nhân dân, 2012. - 228tr.; 21cm

HVL3341

201. DOÃN KẾ THIỆN. Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội: Dành cho lứa tuổi 15+ / Doãn Kế Thiện. - H.: Kim Đồng, 2020. - 197tr.: ảnh, tranh vẽ; 23cm

HVL4037, DC004149

174. DOÃN KẾ THIỆN. Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội/ Doãn Kế Thiện. - H.: Nxb. Hà Nội, 2004. - 212tr.; 19cm

HVV3836, HVV3837

175. DOÃN KẾ THIỆN. Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội/ Doãn Kế Thiện Tái bản lần thứ 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 211tr.; 21cm

HVL2719, HVL2720

176. DOÃN KẾ THIỆN. Danh nhân Việt Nam/ Doãn Kế Thiện. - H.: Đời mới. - 136tr.; 19cm

HVV2878

177. DOÃN KẾ THIỆN. Hà Nội cũ/ Doãn Kế Thiện. - H.: Nxb. Hà Nội; Nhã Nam, 2015. - 117tr.: ảnh; 21cm

HVL3647, HVL3648, VV77147, VV77148, DC003860, VV012512

178. Đoàn thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2017. - 574tr.: ảnh; 24cm

HVL3733, HVL3736, VL52204, DC003904, VL001444

179. ĐOÀN THỊ TÌNH. Trang phục Thăng Long - Hà Nội/ Đoàn Thị Tình. - H.: Nxb. Hà nội, 2010. - 512tr.; 24cm

HVL3010, HVL3011

180. Đống Đa trong những năm đấu tranh giành chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp. - H.: Chính trị quốc gia, 1994. - 179tr.; 19cm

HVV1584

181. Du lịch Thăng Long - Hà Nội/ Trương Sỹ Vinh: chủ biên; Đỗ Thanh Hoa, Đỗ Cẩm Thơ: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 288tr.; 24cm

HVL3070, HVL3071

182. Dương Quảng Hàm con người và tác phẩm/ Lê Thi: chủ biên. - H.: Giáo dục, 2002. - 878tr.; 24cm

TLVL263

183. Dương Quảng Hàm, nhà giáo yêu nước Việt Nam. - H.: Giáo dục, 1993. –

104tr.; 19cm

HVV2153

184. Giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế thành phố Hà Nội/ Nghiêm Xuân Đạt, Nguyễn Minh Phong: chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2002. - 364tr.; 20,5cm.

HVL940, HVL941

185. GIANG QUÂN. Dấu tích kinh thành/ Giang Quân, Phan Tất Liêm. - H.: Nxb. Hà Nội, 1987. - 171tr.; 19cm

HVV696, HVV697

186. GIANG QUÂN. Hà Nội phố phường/ Giang Quân. - H.: Nxb. Hà Nội, 1999. - 370tr.; 19cm.

HVV3254, HVV3255

187. GIANG QUÂN. Ký sự địa chí Hà Nội/ Giang Quân. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 495tr.; 21cm. – (Thăng Long Hà Nội ngàn năm văn hiến).

HVL2660, HVL2661

188. GIANG QUÂN. Thăng Long Hà Nội nghìn năm truyền thống và thanh lịch/ Giang Quân. - H.: Thời đại, 2010. - 407tr.; 21cm. - (Bộ sách kỷ niệm ngàn năm Thăng Long - Hà Nội)

HVL2681, HVL2682

189. GIANG QUÂN. Từ Long thành đến Hà thành/ Giang Quân. - H.: Nxb. Hà Nội, 2017. - 403tr.; 21cm

HVV4619, VV80590, DC003930, VV015378

190. GIANG QUÂN. Văn hóa gia đình người Hà Nội/ Giang Quân. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 254tr.; 21cm

HVL2725, HVL2726

191. Giáo dục Thăng Long - Hà Nội: Quá trình, kinh nghiệm lịch sử và định hướng phát triển/ Nguyễn Hải Kế: chủ biên; Nguyễn Văn Căn, Đoàn Minh Huấn...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 476tr.; 24cm

HVL3078, HVL3079

192. Gương mặt văn học Thăng Long/ Nguyễn Huệ Chi chủ biên, T.1 In lần thứ nhất. - H.: Trung tâm hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu Quốc Tử Giám, 1994. - 619tr.; 19cm

HVV2602, HVV2603

193. Gương sáng đất Thăng Long/ Trần Nữ Quế Phương: sưu tầm và biên soạn. - H.: Lao động, 2004. - 343tr.; 19cm

HVV3844, HVV3845, TLVV371, TLVV372, TLVV373, TLVV374, TLVV375

194. HÀ ÂN. Người Thăng Long / Hà Ân. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 379tr.; 21cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VV84803, HVV4718, VV019535, DC004122

195. HÀ DUY BIỂN. 1000 nhân vật lịch sử - văn hóa Thăng Long - Hà Nội/ Hà Duy Biển. - H.: Thông tin và Truyền thông, 2010. - 463tr.; 24cm.

HVL3140, HVL3141, VL47573, VL47574, DC003782, VV009670

196. HÀ NGUYỄN. Danh nhân Hà Nội: Sách song ngữ/ Hà Nguyễn. - H.: Thông tin và Truyền thông, 2010. - 156tr.; 21cm

HVL3409, HVL3410

197. Hà Nội - "Điện Biên Phủ trên không" / Trịnh Vương Hồng chủ biên; Biên soạn: Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Trọng Hoan, Trịnh Thị Hồng Hạnh, Vũ Thị Kim Oanh. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 347tr.: minh họa; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54690, HVL4019, VL003556, DC004119

198. Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không bản hùng ca thế kỷ XX. - H.: Văn hóa thông tin, 2012. - 443tr.; 27cm

HVL2989, HVL3281, HVL3282

199. Hà Nội "Điện Biên Phủ trên không" chiến thắng của lương tâm, phẩm giá con người. - H.: Quân đội nhân dân, 2012. - 302tr.; 21cm

HVL3315, HVL3316

200. Hà Nội 10 năm mở rộng địa giới hành chính (2008 - 2018). - H.: Nxb. Hà Nội, 2018. - 455tr.: ảnh; 24cm

HVL3855, HVL3856, VL53344, DC003968, VL002503

201. Hà Nội 30 năm đổi mới, phát triển (1986-2016)/ Đồng chủ biên: Phạm Quang Nghị, Phùng Hữu Phú. - H.: Nxb. Hà Nội, 2017. - 687tr.: ảnh; 24cm

HVL3815, VL52524, DC003922, VL001725

202. Hà Nội 50 năm thành tựu và những thách thức trên đường phát triển: Kỷ yếu hội thảo khoa học.- H.: Chính trị quốc gia, 2004. - 484tr.; 21cm

HVL1478, HVL1479, HVL1547

203. Hà Nội 65 năm thi đua yêu nước. - H.: Nxb. Hà Nội, 2013. - 550tr.; 27cm

- ĐTTS ghi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội

HVL3372

204. Hà Nội chu kỳ của những đổi thay hình thái kiến trúc và đô thị/ Pierre Clément, Nathalie Lancret: chủ biên; Mạc Thu Hương, Trương Quốc Toàn: người dịch. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2003. - 344tr.: minh họa; 25cm

HVL1189, HVL1190, TLVL87

205. Hà Nội danh thắng và di tích/ Lưu Minh Trị: chủ biên; Đào Đình Bắc, Nguyễn Thị Dơn...:biên soạn. T.1. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 1256tr.; 24cm

HVL3154, HVL3155

206. Hà Nội danh thắng và di tích/ Lưu Minh Trị: chủ biên; Đào Đình Bắc, Nguyễn Thị Dơn...: biên soạn. T.2. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 1148tr.; 24cm

HVL3162, HVL3163

207. Hà Nội địa chất, địa mạo và tài nguyên liên quan/ Vũ Văn Phái: chủ biên; Đào Đình Bắc, Ngô Quang Toàn: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 280tr.: ảnh, bản đồ.; 24cm

HVL3144, HVL3145

208. Hà Nội một thời chiến tranh/ Trần Đình Nhung, Trần Văn Vẽ. - Tp. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2012. - 147tr.; 17cm

HVV4568, HVV4569

209. Hà Nội mùa đông 1946. - H.: Quân đội nhân dân, 2006. - 248tr.; 21cm

HVL1918, HVL1919, HVL1984, HVL1985

210. Hà Nội ngàn năm văn hiến. - H.: UBND Tp. Hà Nội, 1997. - 168tr.; 28cm

HVL806

211. Hà Nội nhân vật văn hóa/ Nguyễn Vinh Phúc: chủ biên. - H.: Thời đại, 2010. - 551tr.; 21cm

HVL2894

212. Hà Nội như tôi hiểu/ Trần Quốc Vượng. - H.: Thời đại, 2009. - 267tr.; 21cm

HVL2740, HVL2741

213. Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ: 1873 - 1954/ Đào Thị Diến: chủ biên; Đỗ Hoàng Anh, Hoàng Thị Hằng, Vũ Văn Thuyên...: biên soạn, T.1. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 844tr.; 24cm

HVL3044, HVL3045

214. Hà Nội tầm nhìn - triển vọng và những cơ hội đầu tư mới. - H.: Nxb. Hà Nội, 2009. - 304tr.; 27cm

HVL2916, HVL2917

215. Hà Nội tháng 12 năm 1972 hãy nhớ lấy. - H.: Nxb. Hà Nội, 1988. - 227tr.; 19cm

HVV1025

216. Hà Nội trong công cuộc vận động giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX/ Đinh Xuân Lâm: chủ biên, Phạm Xanh, Trần Viết Nghĩa: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 292tr.; 24cm

HVL2954, HVL2955

217. Hà Nội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế / Nghiêm Xuân Đạt, Nguyễn Minh Phong: đồng chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2002. - 521tr.; 21cm

HVL1015, HVL1016

218. Hai mươi năm đổi mới ở Thủ đô Hà Nội định hướng phát triển đến năm 2010: Sách chuyên khảo, phục vụ nghiên cứu, triển khai thực hiện nghị quyết đại hội lần thứ XIV Đảng bộ thành phố/ Phùng Hữu Phú chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2005. - 398tr.; 24cm

HVL1774

219. HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG LÊ HỮU TRÁC. Thượng kinh ký sự: Kể chuyện lên kinh/ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác; Phan Võ: dịch. - H.: Thông tin, 1989. - 144tr.; 19cm

HVV3203

220. Hào khí Thăng Long 12 ngày đêm 1972. - H.: Nxb. Hà Nội, 2012. - 387tr.; 22cm

HVL3385, HVL3386

221. Hào khí Thăng Long Hà Nội thời đại Hồ Chí Minh.- H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 198tr.; 21cm. - (Thăng Long Hà Nội ngàn năm văn hiến)

HVL2616, HVL2617

222. Hát cửa đình Lỗ Khê. - H.: Sở Văn hóa thông tin; Hội văn nghệ Hà Nội, 1980. - 150tr.: ảnh.; 19cm

HVV420

223. Hồ Chủ tịch sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân Hà Nội. - H.: Sở Văn hóa thông tin, 1976. - 100tr.; 25cm

HVL13, HVL28, HVL29

224. Hồ Chủ tịch với nhân dân Hà Nội. - H.: Sở Văn hóa thông tin, 1976. - 28tr.; 25cm

HVL10

225. HỒ PHƯƠNG. Thăng Long rồng vẫn bay / Hồ Phương. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 175tr.; 21cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VV84807, HVV4722, VV019539, DC004126

226. HỒ SĨ VỊNH. Danh nhân văn hóa Thăng Long - Hà Nội/ Hồ Sĩ Vịnh. - H.: Lao động, 2013. - 239tr.; 19cm

HVV4566, HVV4567

227. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T. 10: Huyện Đông Anh - Huyện Sóc Sơn. - 2019. - 1082tr.

VL54642, HVL3970, VL003508, DC004071

228. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2: Quận Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - Quận Hoàng Mai. - 2019. - 990tr.

VL54634, HVL3962, VL003500, DC004063

229. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.3: Quận Đống Đa - Quận Bắc Từ Liêm - Quận Nam Từ Liêm - Quận Thanh Xuân. - 2019. - 1083tr.

VL54635, HVL3963, VL003501, DC004064

230. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.4: Huyện Phú Xuyên - Huyện Thanh Trì - Huyện Thường Tín. - 2019. - 1291tr.

VL54636, HVL3964, VL003502, DC004065

231. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.5: Quận Hà Đông - Huyện Thanh Oai - Huyện Ứng Hòa. - 2019. - 1051tr.

VL54637, HVL3965, VL003503, DC004066

232. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội . - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T. 6: Huyện Chương Mỹ - Huyện Mỹ Đức - Huyện Quốc Oai. - 2019. - 937tr.

VL54638, HVL3966, VL003504, DC004067

233. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.7: Huyện Đan Phượng - Huyện Hoài Đức - Huyện Phúc Thọ. - 2019. - 999tr.

VL54639, HVL3967, VL003505, DC004068

234. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.8: Thị xã Sơn Tây - Huyện Ba Vì - Huyện Thạch Thất. - 2019. - 871tr.

VL54640, HVL3968, VL003506, DC004069

235. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long) T.9: Quận Long Biên - Huyện Gia Lâm - Huyện Mê Linh. - 2019. - 1039tr.

VL54641, HVL3969, VL003507, DC004070

236. Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.1: Quận Ba Đình - Quận Cầu Giấy - Quận Tây Hồ. - 2019. - 935tr.

VL54633, HVL3961, VL003499, DC004062

237. Họa sĩ Bùi Trang Chước tác giả vẽ mẫu quốc huy Việt Nam/ Bùi Minh Thủy, Kiều Mai Sơn: biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 151tr.: ảnh; 21cm

HVL3788, VV78484, VV013350

238. HOÀNG ANH TUẤN. Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Kẻ Chợ - Đàng Ngoài (1637 - 1700) = The Dutch East India Company in Tonkin (1637 - 1700) / Hoàng Anh Tuấn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 622tr.: bảng, biểu đồ; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54652, HVL3980, VL003518, DC004081

239. HOÀNG ANH TUẤN. Tuyển tập tư liệu công ty Đông Ấn Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài (1672 - 1697) / Hoàng Anh Tuấn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 707tr.: bản đồ; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54653, HVL3981, VL003519, DC004082

240. HOÀNG BÍCH NGỌC. Hồ Xuân Hương: Con người, tư tưởng, tác phẩm/ Hoàng Bích Ngọc. - H.: Văn hóa - Thông tin, 2003. - 747tr.; 24cm

TLVL128

241. HOÀNG ĐẠO THÚY. Hà Nội thanh lịch/ Hoàng Đạo Thúy. - H.: Nxb. Hà Nội; Nhã Nam, 2016. - 278tr.: ảnh; 21cm

HVL3785, HVL3786, VV79124, DC003888, VV014005

242. HOÀNG ĐẠO THÚY. Người và cảnh Hà Nội/ Hoàng Đạo Thúy. - H.: Nxb. Hà Nội, 2005. - 289tr.; 21cm

HVL1624

243. HOÀNG ĐẠO THÚY. Phố phường Hà Nội xưa/ Hoàng Đạo Thúy. - H.: Nxb. Hà Nội; Nhã Nam, 2015. - 178tr.: ảnh; 21cm

HVL3645, HVL3646, VV77145, VV77146, DC003859, VV012490

244. HOÀNG ĐẠO THÚY. Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội/ Hoàng Đạo Thúy. –

Tái bản lần 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 243tr.; 21cm

HVL2729, HVL2730

245. Hoàng giáp Nguyễn Tư Giản cuộc đời và thơ văn: Kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội và 110 năm ngày mất Hoàng giáp Nguyễn Tư Giản 1890 - 2000. - H.: Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2001. - 3630tr.: chân dung; 24cm

TLVL165, TLVL166, TLVL167, TLVL168, TLVL169

246. HOÀNG QUỐC HẢI. Văn hóa phong tục / Hoàng Quốc Hải. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 351tr.; 21cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VV84808, HVV4723, VV019540, DC004127

247. HOÀNG XUÂN HÃN. Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý/ Hoàng Xuân Hãn, T.1. - H.: Sông Nhị, 1949. - 185tr.: 3 bản đồ.; 19cm

HVV2856

248. HOÀNG XUÂN HÃN. Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý/ Hoàng Xuân Hãn, T.2. - H.: Sông Nhị, 1950. - 271tr.: 3bản đồ, 5 ảnh; 19cm

HVV2857

249. Hoạt động đối ngoại trên đất Thăng Long - Hà Nội: Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.09/ Phạm Xuân Hằng: chủ biên; Vũ Quang Hiển, Nguyễn Hải Kế, Nguyễn Văn Kim...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 524tr.; 24cm

HVL3148, HVL3149

250. Học giả Nguyễn Văn Vĩnh chuyện nghiệp, chuyện đời/ Khúc Hà Linh: biên soạn. - H.: Thanh niên, 2013. - 202tr.: ảnh; 21cm

HVL3415, HVL3416, VV72705, VV72706, VV010213

251. HOCQUARD. Một chiến dịch ở Bắc Kỳ = Une campagne au Tonkin / Hocquard; Trương Quốc Toàn dịch; Emmanuel Cerise giới thiệu. - H.: Nxb. Hà Nội ; Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, 2020. - 524tr.: ảnh; 27cm

VL55493, HVL4045, VL004249, DC004167

252. Hội thảo khoa học Tế tửu Quốc Tử Giám Nguyễn Như Uyên và truyền thống khoa bảng họ Nguyễn làng Hạ Yên Quyết, Hà Nội. - H.: Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, 2014. - 147tr.; 29cm

HVL3832

253. Hội thảo khoa học Tế tửu, Tư nghiệp Quốc Tử Giám Thăng Long. - H.: Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, 2015. - 195tr.; 29cm

HVL3833

254. Hương ước Hà Nội/ Trương Sỹ Hùng: Chủ biên. T.1: Các huyện Hoàn Long, Thanh Trì và một số vùng lân cận. - H.: Từ điển Bách Khoa; Viện Văn hóa, 2009. - 736tr.; 21cm.

HVL2906, HVL2907

255. Kể chuyện lịch sử Hà Nội những ngày tháng Tám / Ánh Dương chủ biên. - H.: Thanh niên, 2020. - 180tr.; 21cm

VV84422, VV019877

256. Khu phố Tây ở Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX qua tư liệu địa chính/ Phan Phương Thảo chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội; Nhã Nam, 2017. - 415tr.: minh họa; 24cm

HVL3764, HVL3765, VL52195, DC003907, VL001437

257. Kiến trúc Thăng Long - Hà Nội / Lê Văn Lân chủ biên; Biên soạn: Trần Hùng, Nguyễn Quốc Thông, Đặng Thái Hoàng,.... - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 483tr.: minh họa; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54658, HVL3986, VL003524, DC004087

258. Kiến trúc và người Hà Nội/ chủ biên: Phạm Cao Nguyên, Lê Văn Lân, Đào Quốc Hùng…. - H.: Xây dựng, 2003. - 204tr.: ảnh, bản đồ; 24cm

DM26381, VL51531, DC003876, VL000901

259. Kinh đô Thăng Long những khám phá khảo cổ học / Tống Trung Tín chủ biên; Biên soạn: Tống Trung Tín, Hà Văn Cẩn, Đỗ Đức Tuệ,... - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 379tr.: ảnh; 29cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54688, HVL4017, VL003554, DC004117

260. Kinh tế đối ngoại Thăng Long - Hà Nội / Đồng chủ biên: Nguyễn Quang Lân, Tô Xuân Dân. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 639tr.: hình vẽ, bảng; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54678, HVL4006, VL003544, DC004107

261. Kinh tế Hà Nội trước thềm thế kỷ XXI/ Nguyễn Tiến Thỏa, Nguyễn Quốc Thắng, Nguyễn Trọng Giác...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2001. - 283tr.; 24cm

HVL1148, HVL1149

262. Kinh tế hàng hóa của Thăng Long - Hà Nội đặc trưng và kinh nghiệm phát triển: Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.09/ Nguyễn Trí Dĩnh: chủ biên; Lương Xuân Quỳ,

Hoàng Văn Hoa, Phạm Thị Quý...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 396tr.: bảng, đồ thị.; 24cm

HVL3150, HVL3151

263. LÃ DUY LAN. Văn học dân gian Thanh Oai / Lã Duy Lan. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 418tr.; 21cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VV84819, HVV4734, VV019551, DC004138

264. La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn: 1908 - 1996/ Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền: sưu tầm, biên soạn. - T.1: Con người và trước tác (phần 1). - H.: Giáo dục, 1998 1164tr.; 24cm

HVL676

265. Làng cổ Hà Nội/ Lưu Minh Trị chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.1. - 2019. - 634tr.

VL54672, HVL4000, VL003538, DC004101

266. Làng cổ Hà Nội/ Lưu Minh Trị chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2. - 2019. - 617tr.

VL54673, HVL4001, VL003539, DC004102

267. Lễ hội Thăng Long/ Lê Trung Vũ: chủ biên Tái bản có bổ sung. - H.: Nxb. Hà Nội, 2003. - 670tr.; 21cm

HVL1062, HVL1063, TLVL19

268. LÊ HỒNG LÂN. Những ngày khởi nghĩa ở Hà Nội/ Lê Hồng Lân. - H.: Thanh niên, 1974. - 99tr.; 19cm

HVV559, HVV737, HVV83, HVV84

269. LÊ HỒNG LÝ. Tìm hiểu lễ hội Hà Nội/ Lê Hồng Lý. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 400tr.; 24cm

HVL2956, HVL2957

270. LÊ TÂM. Thân thế và sự nghiệp Cao Bá Quát/ Lê Tâm. - H.: Cây thông, 1950. - 66tr.; 21cm

HVV3460

271. LÊ THỊ QUÝ. Gia đình Thăng Long - Hà Nội / Lê Thị Quý. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 455tr.; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54676, HVL4004, VL003542, DC004105

272. LÊ THI. Chuyện hay sử cũ/ Lê Thi. - H.: Thanh niên, 1973. - 69tr.; 19cm

HVV404, HVV405

273. LÊ TRỌNG NGHĨA. Từ Hỏa Lò đến phủ Khâm sai Bắc Bộ/ Lê Trọng Nghĩa. - H.: Nxb. Hà Nội, 2012. - 161tr.; 21cm

HVV4632, VV80595, DC003935, VV015383

274. LÊ TRUNG TOẢN. Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh/ Lê Trung Toản. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 395tr.; 21cm

HVL875, HVL966

275. LÊ TRUNG VŨ. Hội làng Hà Nội/ Lê Trung Vũ. - H.: Văn hóa - Thông tin; Viện văn hóa, 2006. - 1195tr.; 21cm

HVL1909, HVL1910

276. Lê Văn Lương - Tiểu sử. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2020. - 307tr.; 21cm

HVV4740

277. Lê Văn Lương trọn đời vì sự nghiệp của Đảng. - H.: Chính trị Quốc gia, 2000. - 269tr.; 22cm

HVL1339, HVL1340

278. Lịch sử Ban Tuyên giáo Thành uỷ Hà Nội (1949 - 2019). - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2019. - 258tr.: ảnh; 24cm

VL53483, HVL3898, VL002588, DC003995

279. Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Gia Lâm. - T.2: 1954 - 1995. - H.: [KNxb], 1996. - 154tr.; 21cm.

HVL1619

280. Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Thường Tín (1930 - 2020). - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2020. - 956tr.: ảnh; 24cm

HVL3932

281. Lịch sử cách mạng Đảng bộ và nhân dân huyện Đông Anh: (1930 - 2005). – H.: Nxb. Hà Nội, 2005. - 293tr.; 21cm

HVL1636, HVL1714

282. Lịch sử cách mạng huyện Ba Vì. T.1: 1929 - 1945. - H.: Nxb. Hà Nội, 1986. - 77tr.; 19cm

HVV4479, DC.002262

283. Lịch sử cách mạng huyện Ba Vì: 1954 - 2008, Tập 3. - H.: Ba Vì, 2008. - 656tr.; 21cm

HVL2393, DC003756

284. Lịch sử cách mạng huyện Đan Phượng. - H.: [kNxb], 1990. - 145tr.: ảnh.; 19cm

HVV1123, HVV1124

285. Lịch sử cách mạng huyện Từ Liêm: 1945 - 1975, T.2: Sơ thảo. - H.: Nxb. Hà Nội, 1996. - 182tr.; 19cm

HVV3033

286. Lịch sử cách mạng huyện Từ Liêm: Sơ thảo. T.1: 1926 - 1945. - H.: Nxb. Hà Nội, 1990. - 107tr.; 19cm

HVV1121, HVV1122

287. Lịch sử chính quyền thành phố Hà Nội (1945 - 2005)/ Đoàn Minh Huấn, Nguyễn Ngọc Hà: đồng chủ biên, Lê Thị Minh Hạnh, Nguyễn Xuân Hải...:biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 312tr.; 24cm

HVL2950, HVL2951

288. Lịch sử Đảng bộ huyện Quốc Oai. Tập 1, 1930 - 1945. - Hà Tây: Huyện ủy Quốc Oai, 1983. - 74 tr.; 19 cm

DC.000389

289. Lịch sử Đảng bộ huyện Quốc Oai. Tập 2, 1945 - 1954. - Hà Tây: Huyện ủy Quốc Oai, 1994. - 272 tr. 5 ảnh và 1 bản đồ; 19 cm

DC.001078, DC.001079, DC.001080

290. Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hà Nội (1954 - 1975). - H.: Nxb. Hà Nội, 1995. - 294tr.; 22cm

HVL894

291. Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội (1975 - 2000): Sơ thảo. - H.: Nxb. Hà Nội, 2002. - 391tr.; 21cm

HVL1597, HVL1598

292. Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội. T. 1: 1926 - 1945. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2012. - 391tr.; 22cm

HVL3273, HVL3274

293. Lịch sử đảng bộ thành phố Hà Nội/ Trần Trung Sơn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2004. - 885tr.; 24cm

HVL2276

294. Lịch sử đấu tranh cách mạng của đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Oai: Tập

1: (1930 -1945). - Thanh Oai: BCH Đảng bộ 1990. - 127 tr ; 19cm

DC.002270

295. Lịch sử đấu tranh cách mạng Huyện Ba Vì, Tập 2 (1945-1954). - H.: Ba Vì, 2001. - 222tr.; 21cm

HVL2394

296. Lịch sử Hà Nội qua tài liệu lưu trữ. - T.1: Địa giới hành chính Hà Nội từ 1873 đến 1954. - H.: Văn hóa thông tin, 2000. - 163tr.: Bản đồ.; 24cm

HVL794, HVL795

297. Lịch sử phong trào nông dân và hội nông dân Hà Nội (1930-2000): Sơ thảo. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 282tr.; 19cm

HVV3584, HVV3585

298. Lịch sử phong trào phụ nữ Hà Nội 1930 - 2006. - H.: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2011. - 264tr.; 24cm

HVL3260

299. Lịch sử phong trào phụ nữ Hà Nội. (Từ năm 1954 đến 1987). - H.: Nxb. Hà Nội, 1989. - 163tr.; 19cm

HVV1045, HVV1046

300. Lịch sử Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Vinh Phúc: chủ biên; Lê Văn Lan, Nguyễn Minh Tường. - H.: Thời đại, 2010. - 478tr.; 24cm.

HVL2895, HVL2896

301. Lịch sử Thăng Long - Hà Nội/ Phan Huy Lê: chủ biên; Nguyễn Bình Ban, Hoàng Xuân Chinh, Nguyễn Ngọc Hà...: biên soạn.- T.1. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 1024tr .: ảnh, bản đồ.; 24cm

HVL3142, HVL3143

302. Lịch sử Thăng Long - Hà Nội/ Phan Huy Lê: chủ biên; Nguyễn Bình Ban, Hoàng Xuân Chinh...: biên soạn. T. 2. - H.: Nxb. Hà Nội, 2012. - 1056tr.: ảnh, bản đồ; 24cm

HVL3287

303. Lịch sử Thủ đô Hà Nội/ Trần Huy Liệu chủ biên; Nguyễn Lương Bích, Mai Hanh, Nguyễn Việt... In lần thứ 2. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 814tr.; 20cm

HVV3134, HVV3135, DC003963

304. Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân quận Hai Bà Trưng: 1925 - 2000/ Nguyễn Xuân Minh: chủ biên; Nguyễn Xuân Lưu, Nguyễn Tôn Lương, Vũ Tiến Quỳnh...:biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2002. - 249tr.; 21cm

HVL1163

305. Liên khu II - Những ngày đầu kháng chiến. T. 1. - H.: Ban Liên lạc cán bộ kháng chiến liên khu II, 1996. - 311tr.; 19cm

HVV3575

306. Liên khu II những ngày đầu thủ đô kháng chiến: Hồi ký chiến đấu. T.2. - H.: Nxb. Hà Nội, 2001. - 386tr.; 21cm

HVL883, HVL884

307. LOGAN, WILLIAM S. Hà Nội tiểu sử một đô thị/ William S. Logan; Nguyễn Thừa Hỷ: dịch. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 408tr.; 24cm

HVL3007, HVL3008

308. Lược sử phát triển y tế Thăng Long - Hà Nội: (1010 - 2010). - H.: Sở Y tế Hà Nội, 2002. - 206tr.; 20cm

HVL1716, HVL1717

309. Lược sử tên phố Hà Nội. - H.: Sở Văn hóa - Thông tin, 1964. - 331tr.: ảnh.; 19cm

HVV204

310. LƯU HƯƠNG. Nguyễn Hoàng Tôn: Truyện ký/ Lưu Hương. - H.: Thanh niên, 1978. - 321tr.; 19cm

HVV1949, HVV1950, HVV848, HVV929

311. LÝ KHẮC CUNG. Hà Nội văn hóa và phong tục/ Lý Khắc Cung. - H.: Thời đại, 2010. - 517tr.; 21cm

HVL2606, HVL2607

312. LÝ TẾ XUYÊN. Việt điện U Linh/ Lý Tế Xuyên. - H.: Văn hóa, 1960. - 80tr.; 19cm

HVV886, VV14390

313. MAI THỤC. Tinh hoa Hà Nội/ Mai Thục Tái bản có bổ sung. - H.: Văn hóa thông tin, 2000. - 355tr.; 19cm.

HVV3130, HVV3131

314. Mặt đất bầu trời người Hà Nội. - H.: Thanh niên, 1973. - 265tr.; 19cm

HVV133, HVV134

315. MINH TRANH. Hà Nội Huế Sài Gòn tháng 8 - 1945/ Minh Tranh, Quốc Quang, Nguyễn Văn Trấn In lần thứ 2. - H.: Quân đội nhân dân, 2004. - 168tr.; 19cm

HVV3914, HVV3915

316. Mở đầu toàn quốc kháng chiến/ Vũ Như Khôi, Đào Trọng Cảng: chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2006. - 592tr.; 21cm

HVL1916, HVL1917

317. Một điển hình trí thức thời phong kiến: Kỷ niệm 300 năm ngày sinh danh nhân Nguyễn Bá Lân (1700-2000). - H.: Trung tâm UNESSCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa VN, 2001. - 55tr.; 19cm

HVV3490, HVV3491

318. Một số hình ảnh về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của đồng chí Trần Quốc Hoàn. - H.: Công an nhân dân, 2016. - 248tr.: ảnh; 20cm

HVV4606

319. Một số quy định pháp luật về phát triển Thủ đô Hà Nội. - H.: Chính trị quốc gia, 2004. - 414tr.; 19cm

HVV3917, HVV3918, HVV3940, HVV3941

320. Một số tư liệu quý về Hà Nội/ Lưu Đình Toàn: dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2010. - 523tr.; 24cm

HVL3220, HVL3221

321. Một số tư liệu về tổ chức thành ủy Hà Nội giai đoạn 1930 - 1954 và các ĐH Đảng bộ thành phố giai đoạn từ 1954 đến nay. - H.: Thành ủy Hà Nội, 1986. - 15tr.;

25cm

HVL182, HVL183

322. Mỹ thuật Thăng Long - Hà Nội / Nguyễn Đức Hòa chủ biên ; Biên soạn : Trần Hậu Yên Thế, Nguyễn Đức Bình. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 419tr.: ảnh; 30cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54687, HVL4015, HVL4016, VL003553, DC004116

323. Mỹ thuật Thủ đô Hà Nội thế kỷ 20/ Quang Phòng, Quang Việt. - H.: Mỹ thuật, 2000. - 426tr.; 35cm

HVL1192

324. Nét xưa Hà Nội. -Tái bản lần 5. - H.: Thông tấn, 2012. - 153tr.; 20cm

HVV4575, HVV4576

325. Ngàn năm văn hóa đất Thăng Long/ Hồ Phương Lan tuyển chọn và giới thiệu. - H.: Lao động, 2004. - 427tr.; 19cm

TLVV140 - TLVV149

326. Nghệ thuật Hà Nội - truyền thống và hiện tại/ Lê Ngọc Canh: chủ biên; Lê Hồng Thắng, Lâm Tô Lộc, Bùi Đình Phiên...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 372tr.; 24cm

HVL3146, HVL3147

327. NGUYỄN BÁ CHÍNH. Hà Nội chỉ nam/ Nguyễn Bá Chính Tái bản. - H.: Nxb. Hà Nội; Nhã Nam, 2016. - 147tr.: ảnh, bảng; 21cm

HVL3781, HVL3782, VV79729, DC003901, VV014515

328. NGUYỄN BÁ ĐẠM. Hà Nội ngày ấy / Nguyễn Bá Đạm. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 278tr.; 21cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VV84809, HVV4724, VV019541, DC004128

329. NGUYỄN BÁ ĐẠM. Thuở ấy Hà Nội/ Nguyễn Bá Đạm. - H.: Nxb. Hà Nội, 2017. - 303tr.; 21cm

HVV4633, VV80592, DC003932, VV015380

330. NGUYỄN BÁ HỌC. Nguyễn Bá Học con người và tác phẩm/ Nguyễn Bá Học; Phạm Hồng Toàn sưu tầm và giới thiệu. - H.: Hội nhà văn; Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2003. - 449tr.; 19cm

HVV3807, HVV3808

331. NGUYỄN BẮC. Hà Nội tự điển/ Nguyễn Bắc; Bùi Hạnh Cẩn; Nguyễn Vinh Phúc. T.1. - H.: Nxb. Hà nội, 1990. - 272tr.: ảnh.; 19cm

HVV1133, HVV1134

332. NGUYỄN CÔNG HOAN. Nhớ về một thủa: Nhớ gì ghi nấy/ Nguyễn Công Hoan. - H.: Nxb. Hà Nội, 1993. - 179tr.; 19cm

HVV1280, HVV1281

333. NGUYỄN ĐỨC MẬU. Ca trù Hà Nội trong lịch sử và hiện tại/ Nguyễn Đức Mậu. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 728tr.; 24cm

HVL2938, HVL2939

334. NGUYỄN DUY HỢP. Văn sĩ Việt Nam - Danh nhân Nguyễn Gia Thiều/ Nguyễn Duy Hợp. - H.: Văn hóa - Thông tin, 2003. - 256tr.; 19cm

HVV3772, HVV3773

335. NGUYỄN HỒNG DƯƠNG. Ki tô giáo ở Hà Nội/ Nguyễn Hồng Dương. - H.: Tôn giáo, 2008. - 174tr.; 20cm

HVL2318, HVL2319

336. Nguyễn Huy Tưởng một nhà văn Hà Nội/ Nguyễn Huy Thắng tuyển chọn và giới thiệu. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 275tr.; 21cm

HVV4620, VV80594, DC003934, VV015382

337. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Thành luỹ, phố phường và con người Hà Nội trong lịch sử/ Nguyễn Khắc Đạm. - H.: Văn hóa thông tin, 1999. - 299tr.; 20cm.

HVV3017, HVV3018, HVV3142, HVV3143

338. NGUYỄN KHẮC PHỤC. Kinh đô Rồng - Từ truyền thống thượng võ đến chủ nghĩa anh hùng / Nguyễn Khắc Phục, Bằng Việt. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 602tr.: minh họa; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54669, HVL3997, VL003535, DC004098

339. NGUYỄN KIM THẢN. Lời ăn tiếng nói của người Hà Nội / Nguyễn Kim Thản. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 151tr.: hình vẽ; 21cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VV84810, HVV4725, VV019542, DC004129

340. NGUYỄN LÂN. Nguyễn Trường Tộ/ Nguyễn Lân. - H.: Mai Lĩnh, 1942. - 149tr.; 19cm

HVV2882

341. NGUYỄN LANG. Thủ công nghiệp, công nghiệp từ Thăng Long đến Hà Nội/ Nguyễn Lang. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 364tr.; 24cm

HVL3066, HVL3067

342. NGUYỄN MINH NGỌC. Bách thần Hà Nội / Nguyễn Minh Ngọc biên soạn. - Cà Mau: Nxb. Mũi Cà Mau, 2001. - 292tr.; 19cm.

VL18956, VL18957, DC.002521, VN.018500

343. NGUYỄN MINH TÂM. Cuộc đấu trí, đọ sức cuối cùng trên bầu trời Hà Nội - Tư liệu chiến tranh: Nhân Kỷ niệm 47 năm chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" 18 - 29 /12 /1972 - 18 - 29 /12 /2019 / Nguyễn Minh Tâm. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 191tr.; 21cm

VV85056, VV019732

344. NGUYỄN MINH TIÊN. Lý Thường Kiệt con người và sự nghiệp/ Nguyễn Minh Tiên. - H.: Nxb. Hà Nội, 1989. - 220tr.; 19cm

HVV1056, HVV1057

345. NGUYỄN MINH TƯỜNG. Cao Bá Quát danh sĩ đất Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Minh Tường. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 448tr.; 21cm

HVL2976, HVL2977

346. NGUYỄN MINH TƯỜNG. Nguyễn Trãi - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới/ Nguyễn Minh Tường. - H.: Văn hóa thông tin, 2003. - 155tr.; 19cm

HVV3784, HVV3785

347. NGUYỄN NGỌC PHÚC. Hoa đất Thăng Long/ Nguyễn Ngọc Phúc. - H.: Nxb. Hà Nội, 2017. - 327tr.; 21cm

HVV4621, VV80598, DC003938, VV015386

348. NGUYỄN NGỌC TIẾN. Chuyện quanh quanh Dâm Đàm: Khảo cứu / Nguyễn Ngọc Tiến. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2019. - 407tr.; 20cm

VV85967, HVV4744, VV020692, DC004156

349. NGUYỄN NGỌC TIẾN. Đi dọc Hà Nội/ Nguyễn Ngọc Tiến. - H.: Thời đại, 2012. - 251tr.; 21cm

HVV4560, HVV4561

350. NGUYỄN NGỌC TIẾN. Đi ngang Hà Nội/ Nguyễn Ngọc Tiến. - H.: Văn học, 2012. - 338tr.; 21cm

HVL3333, HVL3346

351. NGUYỄN PHƯỢNG VŨ. Tinh thần yêu nước chống xâm lược của Bưu điện thủ đô: Tư liệu truyền thống ngành bưu điện/ Nguyễn Phượng Vũ. - T.p Hồ Chí Minh: Nxb. T.p Hồ Chí Minh, 1997. - 44tr.; 19cm

HVV4182

352. Nguyễn Quang Bích nhà yêu nước nhà thơ. - H.: Khoa học xã hội, 1994. - 357tr.; 19cm

HVV1438, HVV1439

353. NGUYỄN QUANG LỤC. Hà Nội, những kinh thành có trước Hà Nội: Thành Cổ Loa, Thành Liên Lâu, Thành Long Biên/ Nguyễn Quang Lục: Quyển nhất. - Tp.Hồ Chí Minh: Nxb. Gió Việt, 1952. - 233tr.; 25cm

HVL265

354. NGUYỄN QUỐC ÂN. Hồn quê núi Tản sông Đà: Sách ảnh chào mừng 1000 năm Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Quốc Ân. - H.: Thế giới, 2010. - 110tr.; 25cm

HVL3275

355. NGUYỄN QUỐC ÂN. Nét xưa Ba Vì/ Nguyễn Quốc Ân. - H.: Thế giới, 2013. - 99tr.; 24cm

HVL3373

356. NGUYỄN QUYẾT. Hà Nội tháng Tám: Hồi ký/ Nguyễn Quyết; Mai Vui ghi Tái bản, có sửa chữa bổ sung. - H.: Nxb. Hà Nội, 1987. - 183tr.; 19cm

HVV1012, HVV1013

357. NGUYỄN SINH THỦY. Các danh tướng trấn giữ thành Hà Nội/ Nguyễn Sinh Thủy. - H.: Nxb. Hà Nội, 2017. - 183tr.; 21cm

HVV4625, VV80597, DC003937, VV015385

358. NGUYỄN SINH THỦY. Tám trận đánh nổi tiếng đất Hà Thành / Nguyễn Sinh Thủy. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 187tr.; 21cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VV84806, HVV4721, VV019538, DC004125

359. NGUYỄN THẾ LONG. Đình, đền Hà Nội: Đã xếp hạng di tích lịch sử văn hóa/ Nguyễn Thế Long. - H.: Văn hóa thông tin, 1998. - 438tr.; 19cm.

HVV2684, HVV2685

360. NGUYỄN THỊ BẢY. Quà Hà Nội: Tiếp cận từ góc nhìn văn hóa ẩm thực/ Nguyễn Thị Bảy. - H.: Văn hóa - Thông tin, 2000. - 332tr.; 19cm

HVV3301, HVV3302

361. NGUYỄN THỊ HUẾ. Lưỡng quốc trạng nguyên Nguyễn Đăng Đạo (1651 - 1719)/ Nguyễn Thị Huế. - Hà Bắc: Sở Văn hóa thông tin và thể thao, 1994. - 171tr.; 19cm

HVV1521, HVV1436, HVV1437

362. NGUYỄN THỊ LỆ HÀ. Chính sách cải lương hương chính ở đồng bằng Bắc Kỳ và tác động của nó đến đời sống làng xã thời Pháp thuộc : Trường hợp tỉnh Hà Đông: Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Lệ Hà. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 392tr.: bảng; 24cm

VL53879, HVL3917, VL002924, DC004011

363. NGUYỄN THỪA HỶ. Kinh tế - xã hội đô thị Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII, XVIII, XIX/ Nguyễn Thừa Hỷ. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 492tr.; 24cm

HVL3026, HVL3027

364. NGUYỄN THỪA HỶ. Một góc nhìn lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam: Tuyển tập công trình nghiên cứu/ Nguyễn Thừa Hỷ. - H.: Thông tin và Truyền thông, 2016. - 482tr.: ảnh; 24cm

HVL3670, VL51272, VL51273, DC003863, VL000745

365. NGUYỄN THỪA HỶ. Thăng Long - Kẻ Chợ thời Mạc - Lê Trung Hưng / Nguyễn Thừa Hỷ. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 927tr.: minh họa; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54648, HVL3976, VL003514, DC004077

366. NGUYỄN THỪA HỶ. Thăng Long - Hà Nội thế kỉ XVII-XVIII-XIX/ Nguyễn Thừa Hỷ. - H.: Hội Sử học Việt Nam, 1993. - 372tr. + 8 ảnh; 19cm

HVV1348, HVV1349

367. Nguyễn Trãi - Thăng Long - Hà Nội. - H.: Hội Văn nghệ; Sở Văn hóa Thông tin, 1980. - 231tr.; 19cm

HVV408, HVV409

368. Nguyễn Trọng Hợp con người và sự nghiệp. - H.: Hội Khoa học lịch sử, 1996. - 219tr.; 19cm

HVV2481, HVV2482

369. NGUYỄN TUÂN. Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi/ Nguyễn Tuân. - H.: Nxb. Hà Nội, 1983. - 190tr.; 19cm.

HVV3975, HVV488, HVV711

370. NGUYỄN VĂN SIÊU. Phương đình văn loại: Phần Hà Nội - Văn vật/ Nguyễn Văn Siêu; Trần Lê Sáng: dịch. - H.: Văn học, 2001. - 332tr.; 19cm

HVV3611, HVV3612

371. NGUYỄN VĂN TÀI. Lược khảo nhân vật lịch sử quân sự tiêu biểu trong sự nghiệp bảo vệ, giải phóng Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Văn Tài, Văn Đức Thanh Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2014. - 403tr.; 24cm

HVL3671, VL51293, VL000784

372. Nguyễn Văn Tố tiểu sử. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2019. - 251tr.: bảng; 21cm

HVV4698, DC004017

373. NGUYỄN VĂN UẨN. Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX/ Nguyễn Văn Uẩn. T.1. - H.: Nxb. Hà Nội; Nhã Nam, 2016. - 783tr.: ảnh, minh họa; 25cm

HVL3772, VL51916, DC003889, VL001280

374. NGUYỄN VĂN UẨN. Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX/ Nguyễn Văn Uẩn. T.2. - H.: Nxb. Hà Nội; Nhã Nam, 2016. - 709tr.: ảnh, minh họa; 25cm.

HVL3773, VL51917, DC003890

375. NGUYỄN VIỆT. Hà Nội thời tiền Thăng Long / Nguyễn Việt. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 976tr.; 24cm

HVL3086, HVL3087

376. NGUYỄN VINH PHÚC. Các thành hoàng và tín ngưỡng Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Vinh Phúc, Nguyễn Duy Hinh. - H.: Lao động, 2009. - 393tr.; 21cm

HVL2440, HVL2441

377. NGUYỄN VINH PHÚC. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng ở Hà Nội/ Nguyễn Vinh Phúc. - H.: Nxb. Hà Nội, 1983. - 247tr.; 19cm

HVV467, HVV468, HVV469, DC.001333

378. NGUYỄN VINH PHÚC. Hà Nội - Cõi đất, con người / Nguyễn Vinh Phúc. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 517tr.: minh họa; 23cm

VL55158, HVL4041, VL003899, DC004158

379. NGUYỄN VINH PHÚC. Hà Nội - Phong tục, văn chương / Nguyễn Vinh Phúc. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 433tr.: ảnh; 23cm

VL55157, HVL4040, VL003898, DC004157

380. NGUYỄN VINH PHÚC. Hà Nội con đường - dòng sông và lịch sử/ Nguyễn Vinh Phúc. - H.: Giao thông vận tải, 2000. - 203tr.; 19cm

HVV3150, HVV3151

381. NGUYỄN VINH PHÚC. Hà Nội qua những năm tháng/ Nguyễn Vinh Phúc. - H.: Thế giới, 2000. - 378tr.; 20,5cm

HVV3120, HVV3121

382. NGUYỄN VINH PHÚC. Hà Nội/ Nguyễn Vinh Phúc. - H.: Văn hóa, 1981. - 122tr.: bản đồ, ảnh.; 19cm

HVV417, HVV418

383. NGUYỄN VINH PHÚC. Phố và đường Hà Nội/ Nguyễn Vinh Phúc. - H.: Giao thông vận tải, 2004. - 815tr.; 21cm

HVL1380, HVL1381, HVL1283, HVL1284

384. NGUYỄN VINH PHÚC. Thủ Đô ngàn năm tuổi nơi hội tụ và lan tỏa tinh hoa văn hóa Việt Nam/ Nguyễn Vinh Phúc. - H.: Thời đại, 2010. - 327tr.; 21cm

HVL2632, HVL2633

385. NGUYỆT TÚ. Họa sĩ Nguyễn Phan Chánh/ Nguyệt Tú, Nguyễn Phan Cảnh. - H.: Văn hóa, 1979. - 197tr.: ảnh.; 19cm

HVV1691, HVV1692

386. Nhà giáo nhà văn Hoài Việt tác phẩm và sự nghiệp. T.1. - H.: Hội Nhà văn, 2018. - 764tr.; 24cm

HVL3866, VL53347, DC003976, VL002506

387. NHẤT TÂM. Nguyễn Văn Vĩnh: 1882 - 1936/ Nhất Tâm. - Sài Gòn: Tân Việt, 1957. - 73tr.; 20cm

TLVL443

388. Những câu chuyện về đồng chí Đỗ Mười: Nguyên Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam/ Diệu Ân: biên soạn. - H.: Dân trí, 2011. - 567tr.: ảnh; 21cm

HVL3527, VL43067

389. Những danh tướng chống ngoại xâm thời Trần/ Quốc Trấn: chủ biên; Lê Kim Lũ, Cẩm Hương: biên soạn Tái bản có bổ sung. - H.: Thanh Niên, 2007. - 163tr.; 19cm

HVV4376, HVV4377

390. Những giá trị lịch sử văn hóa 1000 năm Thăng Long Hà Nội/ Nguyễn Viết Chức: chủ biên. - H.: Thời đại, 2010. - 298tr.; 21cm

HVL2624, HVL2625

391. Những lần đón Bác. - H.: Nxb. Hà Nội, 1984. - 167tr.: ảnh; 19cm

HVV547, HVV548, HVV549, HVV736

392. Những làng nghề thủ công tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội / Đinh Hạnh chủ biên; Biên soạn: Nguyễn Thị Liên, Đinh Cẩm Ly. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 306tr.: ảnh, bảng; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54643, HVL3971, VL003509, DC004072

393. Những người cảm tử: Kể chuyện chiến đấu ở liên khu I - Hà Nội. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 198tr.; 21cm

HVL874

394. Những sự kiện Bác Hồ với quận Hai Bà Trưng. P. 1: Những sự kiện ghi nhớ. P. 2: Bác còn sống mãi. - H.: Ban Sưu tầm Lịch sử Đảng; Phòng VHTT quận Hai Bà Trưng, 1984. - 59tr.; 19cm

HVV3991, HVV3992

395. Những thảm họa đã xảy ra ở Thăng Long - Hà Nội: Thăng Long - Hà Nội những biến cố thăng trầm/ Cao Văn Liên biên soạn. - H.: Thanh Niên, 2010. - 159tr.; 21cm

HVL2858, HVL2859

396. Những trang lịch sử vẻ vang của thủ đô. - In lần thứ 2. - H.: Sở Văn hóa Hà nội, 1960. - 31tr.: 1 bản đồ; 19cm

HVV394

397. Nơi đây Bác viết Tuyên ngôn độc lập. - H.: Nxb. Hà Nội, 1985. - 85tr.; 19cm

HVV601, HVV602

398. Nửa thế kỷ văn hóa - thông tin Hà Nội (1945 - 1995). - H.: Sở Văn hóa thông tin Hà Nội, 1995. - 225tr.; 21cm

HVL2279

399. PHẠM HỒNG TUNG. Lịch sử Hà Nội cận đại 1883 - 1945 / Phạm Hồng Tung, Trần Viết Nghĩa. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 423tr.: ảnh; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54675, HVL4003, VL003541, DC004104

400. Phạm Hy Lượng cuộc đời và tác phẩm/ Trần Nghĩa: chủ biên. - H.: Văn hóa thông tin, 1978. - 327tr.; 19cm

HVV2662, HVV2663

401. PHẠM NGỌC PHỤNG. Hai Bà Trưng/ Phạm Ngọc Phụng. - H.: Phụ nữ, 1975. - 258tr.: ảnh; 19cm

HVV806

402. PHẠM QUANG NGHỊ. Thăng Long - Hà Nội truyền thống tầm nhìn động lực vươn tới/ Phạm Quang Nghị. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2013. - 599tr.; 24cm

HVL3438, HVL3439

403. PHẠM THANH. Hà Nội những tháng năm lửa đạn/ Phạm Thanh. - H.: Nxb. Hà Nội, 1992. - 115tr.; 19cm

HVV1265, HVV1266

404. PHẠM TUẤN HÂN. Đồng Phù Liệt làng cổ một nghìn tuổi đất Thăng Long/ Phạm Tuấn Hân. - H.: Nxb. Hà Nội, 1999. - 212tr.; 19cm.

HVV3026, HVV3027

405. PHAN HỮU TÍCH. Đảng bộ Hà Nội lãnh đạo cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1972): Luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử/ Phan Hữu Tích; Người hướng dẫn khoa học: Lê Mậu Hãn phó giáo sư sử học. - H.: Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, 1995. - 180tr.; 29cm

HVL1583

406. PHAN HUY LÊ. Di sản văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử/ Phan Huy Lê Tái bản lần thứ 1. - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. - 1031tr.: bảng, biểu đồ; 24cm

HVL3841, DC003952

407. PHAN HUY LÊ. Gốm Bát Tràng thế kỷ XIV - XIX/ Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Quang Ngọc. - H.: Thế giới, 1995. - 209tr.; 25cm

HVL504, HVL505, HVL652, HVL653, HVL693, HVL694

408. PHAN HUY LÊ. Tìm về cội nguồn/ Phan Huy Lê, T.1. - H.: Thế giới, 1998. - 819tr.; 19cm

HVV2790

409. Phan Kế Bính tác giả - tác phẩm/ Bùi Văn Vượng: chủ biên; Lê Thanh Bình: sưu tầm, biên soạn. - H.: Thanh niên, 2004. - 1092tr.: sách chân dung; 21cm

TLVL25

410. PHAN KẾ BÍNH. Nam Hải dị nhân liệt truyện / Phan Kế Bính; Lê Văn Phúc hiệu chính; Tạ Huy Long minh họa. - H.: Kim Đồng, 2022. - 285tr.: tranh màu; 32cm

VL55777, VL004455

411. PHAN NGỌC LIÊN. Hà Nội trong con mắt người nước ngoài/ Phan Ngọc Liên, Bùi Thị Thu Hà. - H.: Chính trị quốc gia, 2010. - 295tr.; 21cm

HVL2996, HVL2997

412. PHAN TRẦN CHÚC. Bằng Quận Công: Thế kỷ XVIII/ Phan Trần Chúc. - H.: Mai Lĩnh, 19… - 157tr.; 19cm

HVV2885

413. Pháp Lệnh Thủ đô Hà Nội. - H.: Chính trị Quốc gia, 2001. - 28tr.; 19cm

HVV3608

414. Phát hiện Cổ Loa 1982. - H.: [knbx], 1982. - 159tr.: ảnh; 19cm

HVV484

415. Phát huy tiềm lực tự nhiên, kinh tế, xã hội và giá trị lịch sử văn hóa phát triển bền vững thủ đô Hà Nội đến năm 2020/ Phùng Hữu Phú: chủ biên; Nguyễn Duy Quý, Ngô Thị Thanh Hằng, Trần Vĩnh Diệu...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 304tr.; 24cm

HVL3038, HVL3039

416. Phát triển khoa học và trọng dụng nhân tài của Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Huy Chương: chủ biên; Tạ Bá Hưng, Lại Văn Toàn, Trịnh Khắc Mạnh...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 364tr.; 24cm

HVL3036, HVL3037

417. PHONG LÊ. Dương Quảng Hàm nhà giáo yêu nước Việt Nam/ Phong Lê. - H.: Giáo dục, 1993. - 104tr.; 21cm

HVV1359

418. Phụ nữ Thăng Long - Hà Nội / Nguyễn Ngọc Mai biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 407tr. ; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54677, HVL4005, VL003543, DC004106

419. PHÙNG HỮU PHÚ. Hà Nội tôi yêu/ Phùng Hữu Phú. - H.: Nxb. Hà Nội, 2006. - 403tr.; 22cm

HVL1926

420. PHÙNG KIM BẢNG. Bản sắc vùng đất cổ núi Tản sông Nhị: Địa- Lịch sử và văn hóa/ Phùng Kim Bảng. - H.: Văn hóa thông tin, 2008. - 698tr.; 21cm

HVL2453, HVL2454

421. Quận Cầu Giấy hình thành và phát triển. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 50tr.; 27cm

HVL897, HVL898

422. Quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội, lịch sử và bài học/ Vũ Văn Quân, Nguyễn Quang Ngọc, Đoàn Minh Huấn: chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 496tr.: bản đồ; 24cm

HVL3196, HVL3197

423. QUẬN ỦY HAI BÀ TRƯNG. BAN SƯU TẦM. Liên khu những ngày đầu kháng chiến chống đế quốc thực dân Pháp xâm lược (19-12-1946 - 15-2-1947). - H.: [kNxb], 1983. - 48tr.; 19cm

HVV471

424. QUẢNG VĂN. Non nước Hà Nội / Quảng Văn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2009. - 310tr.; 20cm

HVL2510, HVL2511, DC.003563

425. RAMSDEN, JOHN. Hà Nội một thời/ John Ramsden. - H.: Thế giới; Nhã Nam, 2016. - 163tr.: ảnh; 27cm

HVL3774, HVL3775, VL52197, DC003900, VL001439

426. SIÊU HẢI. Hà Nội trái tim cả nước: Truyện Kẻ Chợ 36 phố phường 1000 năm Thăng Long Đông Đô Hà Nội/ Siêu Hải. - H.: Thanh niên, 2010. - 213tr.; 21cm.

HVL2622, HVL2623

427. SIÊU HẢI. Trăm năm chuyện Thăng Long Hà Nội/ Siêu Hải. - H.: Thanh niên, 2010. - 358tr.; 21cm

HVL2644, HVL2645

428. Sơ thảo lịch sử cách mạng huyện Hoài Đức 1945 - 1954. T.2. - H.: Nxb. Hà Nội, 1984. - 63tr.; 19cm

HVV586, HVV587

429. Sông hồ Hà Nội / Đặng Văn Bào chủ biên; Biên soạn: Đào Đình Bắc, Nguyễn Hiệu, Đặng Kinh Bắc. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 353tr.: minh họa; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54646, HVL3974, VL003512, DC004075

430. Sư đoàn 308 - Quân Tiên Phong anh hùng - 70 năm làm theo lời Bác (28 /8 /1949 - 28 /8 /2019). - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 183tr.: ảnh ; 25cm

HVL3920, DC004014

431. Sự nghiệp bảo vệ, giải phóng Thăng Long - Hà Nội/ Nguyễn Văn Tài chủ biên, Văn Đức Thanh, Trịnh Vương Hồng.... - H.: Chính trị quốc gia, 2010. - 999 tr.; 24 cm

HVL2910, DC003817

432. Sự tích các Thành hoàng làng Thăng Long - Hà Nội / Đỗ Thị Hảo chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2020. - 487tr.; 24cm

VL54416, HVL3928, VL003265, DC004031

433. Tạ Quang Bửu, nhà trí thức yêu nước và cách mạng. - H.: Hội khoa học lịch sử, 1996. - 327tr.; 19cm

HVV2537, HVV2538

434. Tái cấu trúc đầu tư công thành phố Hà Nội đến năm 2020/ Nguyễn Đình Dương: chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2013. - 254tr.; 24cm

HVL3446, HVL3447

435. Tài liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tư liệu phương Tây trước 1945 / Nguyễn Thừa Hỷ chủ biên; Biên dịch: Nguyễn Thừa Hỷ, Nguyễn Mạnh Dũng, Vũ Thị Minh Thắng, Nguyễn Thị Bình. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 343tr.; 24cm. - (Tủ sách

1000 năm Thăng Long)

VL54659, HVL3987, VL003525, DC004088

436. Tân nhạc Hà Nội từ đầu thế kỷ XX đến 1945: Hình thành và phát triển. - H.: Hội Âm nhạc Hà Nội, 2002. - 294tr.; 24cm

HVL1642

437. Tế tửu Quốc Tử Giám Trương Công Giai và truyền thống khoa bảng họ Trương Việt Nam. - H.:Trung tâm VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám, 2014. - 426tr.; 21cm

HVL3573

438. Tế tửu Quốc Tử Giám Vũ Miên (1718 -1782): Con người và sự nghiệp. - H.: Trung tâm VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám, 2014. - 291tr.; 21cm

HVL3572

439. Thạch Thất trên chặng đường 45 năm sau Cách mạng tháng Tám 1945 - 1990. - H.: Ban tuyên giáo, 1990. - 60tr.; 19cm

HVV1125, HVV1126

440. Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội: Địa chí văn hóa dân gian. - H.: Sở Văn hóa và Thông tin Hà Nội, 1991. - 315tr.; 25cm

HVL269, HVL270

441. Thăng Long - Hà Nội lịch sử 1000 năm/ Nguyễn Văn Tân: biên soạn. - H.: Thanh niên, 2010. - 498tr.; 21cm

HVL2874, HVL2875

442. Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến. - H.: Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch Hà Nội, 2010. - 327tr.; 21cm

HVL2973, HVL2974

443. Thăng Long - Hà Nội những trang sử vẻ vang chống ngoại xâm/ Lê Đình Sỹ: chủ biên, Nguyễn Minh Đức, Hoàng Thị Thảo…. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 588tr.; 24cm

HVL2911, HVL2912

444. Thăng Long - Hà Nội qua hình ảnh: Thăng Long - Hà Nội through the lens of time/ Vũ Năng An, Xuân Át, Ngọc Anh: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 424tr.; 30cm

HVL3056, HVL3057

445. Thăng Long - Hà Nội trên những áng tem bưu chính. - H.: Thông tin & truyền thông, 2010. - 186tr.; 25cm

HVL3370, HVL3371

446. Thăng Long - Hà Nội tuyển tập công trình nghiên cứu lịch sử/ Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân, Phạm Đức Anh: Tuyển chọn và giới thiệu, T.1. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 912tr.; 24cm

HVL3048, HVL3049

447. Thăng Long - Hà Nội tuyển tập công trình nghiên cứu lịch sử/ Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân, Phạm Đức Anh: Tuyển chọn và giới thiệu, T.2. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 704tr.; 24cm

HVL3050, HVL3051

448. Thăng Long - Hà Nội tuyển tập công trình nghiên cứu văn hóa/ Nguyễn Hải Kế, Đỗ Thị Hương Thảo, Nguyễn Thị Hoài Phương: Tuyển chọn và giới thiệu. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 952tr.; 24cm

HVL3014, HVL3015

449. Thăng Long - Hà Nội tuyển tập công trình nghiên cứu văn học nghệ thuật/ Trần Nho Thìn: tuyển chọn và giới thiệu. T.1. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 764tr.; 24cm

HVL3088, HVL3089

450. Thăng Long Hà Nội một nghìn sự kiện lịch sử / Vũ Văn Quân: chủ biên, Đoàn Minh Huấn, Nguyễn Ngọc Phúc, Phạm Đức Anh...: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2007. - 580tr.; 20cm

HVL2094, HVL2095, DC.003588, VN.028144

451. Thăng Long thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 qua tư liệu người nước ngoài/ Chu Xuân Giao: chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 500tr.; 21cm

HVL2713, HVL2714

452. Thăng Long thời Lê - Trịnh/ Trịnh Xuân Tiến: biên soạn. - H.: Lao động, 2010. - 231tr.; 21cm

HVV4542, HVV4543

453. Thành phố Hồ Chí Minh hướng về 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2012. - 1319tr.; 24cm

HVL3356, HVL3357

454. Thanh Trì những năm chống Mỹ cứu nước. - H.: Nxb. Hà Nội, 1996 132tr.; 19cm

HVV3034

455. Thanh Trì xưa và nay. - H.: Sở Văn hóa Thông tin, 1993. - 103tr.; 19cm

HVV1380, HVV1381

456. THẾ TẬP. Nguyễn Phong Sắc. Một người cộng sản đầu tiên của Hà Nội/ Thế Tập, Đức Vượng. - H.: Nxb. Hà Nội, 1986. - 104tr.: 1 chân dung; 19cm

HVV682, HVV683

457. THẾ VĂN. Ngô Gia Tự người cộng sản lỗi lạc/ Thế Văn. - Tp. Hồ Chí Minh: Sự thật, 1987. - 65tr.; 19cm

HVV3341

458. Thủ đô Hà Nội 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019). - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 331tr.: ảnh; 21cm

VV83907, HVV4705, VV018731, DC004024

459. Thủ đô Hà Nội 65 năm chiến đấu xây dựng và phát triển. - H.: Ban Tuyên giáo Thành ủy, 2019. - 249tr.; 21cm

HVV4691

460. Thủ đô Hà Nội lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975). - H.: Quân đội nhân dân, 1991. - 300tr.: ảnh; 19cm

HVV1141, HVV1142

461. Thủ đô Hà Nội trong công cuộc xây dựng và phát triển. - H.: Thống kê, 2004. - 439tr.; 24cm

HVL1545, HVL1546

462. Thủ đô Hà Nội truyền thống, nguồn lực định hướng phát triển. - H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2015. - 650tr.; 27cm

HVL3637, HVL3638, VL51149, VL51150, DC003851, VL000677

463. Thủ đô Hà Nội. Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp. 1945 - 1954. - H.: Nxb. Hà Nội, 1986. - 399tr.: 1 chân dung; 19cm

HVV680, HVV681

464. Thủ đô Hà Nội/ Nguyễn Chí Mỳ: chủ biên; Nguyễn Viết Chức, Giang Quân, Nguyễn Thành Công...: biên soạn nội dung; Trần Mạnh Thường: biên soạn hình ảnh. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 300tr.; 30cm

HVL3058, HVL3059

465. Thủ đô kháng chiến. - H.: Sở Văn hóa thông tin, 1967. - 24tr.; 25cm

HVL83

466. Thực trạng và các giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020/ Nguyễn Thành Công: chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2013. - 299tr.; 24cm

HVL3448, HVL3449

467. Thượng tướng quân Doãn Nỗ và họ Doãn trong lịch sử/ Nguyễn Quang Ân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 1995. - 173tr.; 19cm

HVV2399, HVV2400

468. Tiềm năng và giá trị lịch sử Thăng Long - Hà Nội ngàn năm: Những vấn đề nghiên cứu - tổng kết/ Lưu Minh Trị: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2001. - 207tr.; 22cm

HVL965

469. Tiến sĩ Nguyễn Văn Lý và dòng họ Nguyễn Đông Tác. - H.: Văn hóa dân tộc, 2000. - 288tr.; 21cm

HVL2752, HVL2753

470. Tìm trong di sản văn hóa Việt Nam Thăng Long - Hà Nội/ Lưu Minh Trị: chủ biên. - H.: Văn hóa - Thông tin, 2002. - 723tr.; 24,5cm

HVL1052, HVL1053, HVL1749, HVL1750, TLVL89

471. TÔ HOÀI. Chuyện cũ Hà Nội/ Tô Hoài. - In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung. - H.: Thông tin, 1990. - 279tr.; 19cm

HVV1119, HVV1120

472. TÔ HOÀI. Giữ gìn 36 phố phường / Tô Hoài. - H.: Văn học, 2019. - 202tr.: tranh vẽ ; 21cm

VV84705, HVV4713, VV019297, DC004040

473. Tọa đàm khoa học Danh nhân Hoàng Trình Thanh với chính sách chấn hưng đất nước. - H.: Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám, 2018. - 121tr.; 27cm

HVL3863, DC003973

474. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng với tình cảm của nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế / Báo Nhân dân tuyển chọn. - H.: Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2019. - 619tr.: ảnh; 24cm

VL53432, HVL3899, VL002540

475. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội : Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ. - H.: Lao động, 2019. - 64tr.: sơ đồ, bảng; 29cm

HVL3900

476. Tổng tập khảo cổ học Thăng Long - Hà Nội (1898 - 8 /2008) / Tống Trung Tín chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 795tr.: minh họa; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54662, HVL3990, VL003528, DC004091

477. Tổng tập nghìn năm văn hiến Thăng Long / Đặng Vũ Khiêu, Vũ Tuyên Hoàng, Hoàng Minh Thảo...: biên soạn; Nguyễn Hoàng Điệp: biên tập; Tập 4. - H.: Văn hóa thông tin; Thời báo kinh tế Việt Nam, 2007. - 2242tr.; 32cm

HVL2577, DC.003576, TC.002641, VV.008070

478. Tổng tập nghìn năm văn hiến Thăng Long / Đặng Vũ Khiêu, Vũ Tuyên Hoàng, Hoàng Minh Thảo...: biên soạn; Nguyễn Hoàng Điệp: biên tập, Tập 1. - H.: Văn hóa thông tin; Thời báo kinh tế Việt Nam, 2007. - 2259tr.; 32cm

HVL2574, DC.003573, TC.002638, VV.008067

479. Tổng tập nghìn năm văn hiến Thăng Long / Đặng Vũ Khiêu, Vũ Tuyên Hoàng, Hoàng Minh Thảo...: biên soạn; Nguyễn Hoàng Điệp: biên tập. Tập 2. - H.: Văn hóa thông tin: Thời báo kinh tế Việt Nam, 2007. - 2848tr.; 32cm

HVL2575, DC.003574, TC.002639, VV.008068

480. Tổng tập nghìn năm văn hiến Thăng Long / Đặng Vũ Khiêu, Vũ Tuyên Hoàng, Hoàng Minh Thảo...: biên soạn; Nguyễn Hoàng Điệp: biên tập, Tập 3. - H.: Văn hóa thông tin; Thời báo kinh tế Việt Nam, 2007. - 2872tr.; 32cm

HVL2576, DC.003575, TC.002640, VV.008069

481. Trần Đăng Ninh con người và lịch sử. - H.: Chính trị quốc gia, 1996. - 478tr.; 25c

HVL562

482. TRẦN HỒNG ĐỨC. Vương Triều Lý - Trần với kinh đô Thăng Long/ Trần Hồng Đức. - H.: Chính trị quốc gia, 2010. - 310tr.; 21cm

HVL2757, HVL2758

483. Trần Hữu Tước tấm gương sáng về tài năng và y đức/ Nguyễn Đức Hinh, Võ Thanh Quang, Trần Giữu...: Sưu tầm, biên soạn. - H.: Chính trị Quốc gia, 2014. - 577tr.: 35ảnh; 24cm

HVL3580, VL000993

484. TRẦN HUY LIỆU. Nguyễn Trãi/ Trần Huy Liệu.- In lần thứ 2. - H.: Khoa học xã hội, 1969. - 220tr.; 19cm

HVV3384

485. TRẦN KHÁNH CHƯƠNG. Mỹ thuật Hà Nội thế kỷ XX/ Trần Khánh Chương. - H.: Mỹ thuật, 2012. - 647tr.; 22cm

HVL3378

486. TRẦN LÂM BIỀN. Thế giới biểu tượng trong di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội/ Trần Lâm Biền, Trịnh Sinh. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 572tr.; 24cm

HVL3192, HVL3193

487. TRẦN LÊ SÁNG. Phùng Khắc Khoan: Cuộc đời và thơ văn/ Trần Lê Sáng. - H.: Nxb. Hà Nội, 1985. - 291tr.: ảnh.; 19cm

HVV592, HVV593

488. TRẦN MẠNH THƯỜNG. Hình ảnh Hà Nội: Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX: Images of Hanoi: in the late 19th and early 20th centures/ Trần Mạnh Thường: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 252tr.; 25cm

HVL3060, HVL3061

489. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Danh nhân Hà Nội/ Trần Quốc Vượng. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 213tr.; 21cm

HVL2742, HVL2743

490. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Đất thiêng ngàn năm văn vật/ Trần Quốc Vượng; Nguyễn Hải Kế chủ trì tuyển chọn và giới thiệu, Đỗ Thị Hương Thảo, Nguyễn Hoài Phương. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 543tr.; 24cm

HVL2835

491. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Hà Nội nghìn xưa / Trần Quốc Vượng, Vũ Tuân Sán. - H.: Nxb. Hà Nội, 2009. - 367tr.; 20cm

HVL2512, HVL2513, DC.003569, VN.028038

492. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Hà Nội như tôi hiểu/ Trần Quốc Vượng. - H.: Thời đại, 2009. - 267tr.; 21cm

HVL2740, HVL2741

493. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Làng nghề, phố nghề Thăng Long - Hà Nội/ Trần Quốc Vượng, Đỗ Thị Hảo. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 403tr.; 20cm

HVV3433

494. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Theo dòng lịch sử: Những vùng đất, thần và tâm thức người Việt/ Trần Quốc Vượng. - H.: Văn hóa thông tin, 1996. - 562tr.; 19cm

HVV2521,HVV2522

495. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Tìm hiểu di sản văn hóa dân gian Hà Nội/ Trần Quốc Vượng. - H.: Nxb. Hà Nội, 1994. - 249tr.; 19cm

HVV1491, HVV1492

496. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Trên mảnh đất Cổ Loa lịch sử/ Trần Quốc Vượng. - H.: Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1970. - 97tr.: ảnh.; 19cm

HVV139, HVV745

497. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Trên mảnh đất ngàn năm văn vật/ Trần Quốc Vượng. - H.: Nxb. Hà Nội, 2000. - 297tr.; 19cm

HVV3469

498. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Văn hóa Hà Nội tìm tòi và suy ngẫm/ Trần Quốc Vượng. - H.: Quân đội nhân dân, 2010. - 241tr.; 21cm

HVL2767, HVL2768

499. TRẦN THỊ KIM ANH. Ca trù Thăng Long - Hà Nội : Khảo cứu và công bố tư liệu Hán Nôm / Trần Thị Kim Anh, Đinh Văn Minh. - H.: Văn học, 2020. - 368tr.: ảnh, tranh vẽ; 24cm

VL54570, HVL3943, VL003436, DC004044

500. TRỊNH CAO TƯỞNG. Hà Nội thời đại đồng và sắt sớm/ Trịnh Cao Tưởng, Trịnh Sinh. - H.: Nxb. Hà Nội, 1982. - 240tr.: minh họa.; 19cm

HVV459, HVV460

501. TRỊNH SINH. Hà Nội thời Hùng Vương - An Dương Vương/ Trịnh Sinh. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 532tr.; 24cm

HVL3084, HVL3085

502. Trung đoàn thủ đô (7-1-1947-7-1-1977). - H.: Ban Chính trị trung đoàn, 1977. - 132tr.; 19cm

HVV348

503. Truyện kể dân gian Hà Nội/ Võ Quang Trọng: chủ trì, Nguyễn Thúy Loan, Lê Việt Liên: Sưu tầm và tuyển chọn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 880tr.; 24cm

HVL2936, HVL2937

504. Truyền thống cách mạng phụ nữ Đan Phượng. - H.: Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam huyện Đan Phượng, 1985. - 134tr.; 19cm

HVV4212

505. Truyền thống đấu tranh cách mạng của công nhân thủ đô. - H.: Sở Văn hóa Hà Nội, 1968. - 63tr.; 25cm

HVL179

506. Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đông Anh: Sơ thảo (1930 - 1954). - H.: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đông Anh, 1984. - 93tr.; 19cm

HVV588

507. Truyền thuyết các vị thần Hà Nội/ Minh Thảo, Xuân Mỹ: biên soạn. - H.: Văn hóa thông tin, 1994. - 94tr.; 19cm

HVV1368, HVV1369

508. Tứ bất tử/ Phạm Kế biên soạn. - H.: Lao động, 1996. - 110tr.; 19cm

HVV2539, HVV2540

509. Từ chiếu dời đô đến bản tuyên ngôn độc lập/ Nguyên Tường: biên soạn. - H.: Văn hóa thông tin, 2010. - 231tr.; 21cm

HVL2693, HVL2694

510. Từ điển văn hóa Việt Nam. Phần nhân vật chí. - H.: Văn hóa, 1993. - 611tr.; 22cm

HVV1360, HVV1361

511. Tư liệu các công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVII/ Hoàng Anh Tuấn: biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 732tr.; 24cm

HVL3082, HVL3083

512. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội : Thần tích Hà Nội / Nguyễn Thị Oanh chủ biên; Dịch chú: Nguyễn Thị Oanh, Đào Phương Chi, Nguyễn Thị Hường, Nguyễn Thị Dương. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 718tr.: ảnh, bảng; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54651, HVL3979, VL003517, DC004080

513. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tộc ước, gia quy / Nguyễn Kim Sơn chủ biên; Biên soạn: Nguyễn Kim Sơn, Phạm Ánh Sao, Bùi Bá Quân,.... - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 934tr.: bảng; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54650, HVL3978, VL003516, DC004079

514. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập địa chí/ Nguyễn Thúy Nga: chủ trì, Nguyễn Kim Sơn, Nguyễn Văn Thịnh...Tuyển dịch, giới thiệu và chú giải. - T.1. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 1072tr.; 24cm

HVL2932, HVL2933

515. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập địa chí/ Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Kim Sơn, Nguyễn Văn Thịnh...: Tuyển dịch, giới thiệu và chú giải, T.3. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 1220tr.; 24cm

HVL3054, HVL3055

516. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập địa chí/ Nguyễn Thúy Nga: chủ trì, Nguyễn Kim Sơn, Nguyễn Văn Thịnh… Tuyển dịch, giới thiệu và chú giải, T.2. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 1228tr.; 24cm

HVL2934, HVL2935

517. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập hương ước tục lệ/ Nguyễn Tá Nhí, Trần Thị Giáng Hoa, Phạm Hương Lan… tuyển dịch và giới thiệu. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 1324tr.; 24cm

HVL3005, HVL3006

518. Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập văn kiện lịch sử/ Nguyễn Quang Ngọc: chủ trì; Vũ Văn Quân, Phạm Đức Anh, Vũ Minh Thắng...: sưu tầm, tuyển chọn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2011. - 980tr.; 24cm

HVL3182, HVL3183

519. Tục ngữ ca dao dân ca Hà Nội/ Sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu: Nguyễn Thúy Loan, Nguyễn Xuân Kính, Phan Lan Hương, Lê Thùy Ly. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 1075tr.; 24cm

HVL2837

520. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Chương Đức / Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 1250tr.: bảng; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54625, HVL3953, VL003491, DC004054

521. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Đan Phượng/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.1. - 2019. - 663tr.

VL54630, HVL3958, VL003496, DC004059

522. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Đan Phượng/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2. - 2019. - 795tr.

VL54631, HVL3959, VL003497, DC004060

523. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Gia Lâm/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.1. - 2019. - 1207tr.

VL54616, HVL3944, VL003482, DC004045

524. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Gia Lâm/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2. - 2019. - 1383tr.

VL54617, HVL3945, VL003483, DC004046

525. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Hoài An / Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 879tr.; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54632, HVL3960, VL003498, DC004061

526. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Phú Xuyên/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.1. - 2019. - 919tr.

VL54618, HVL3946, VL003484, DC004047

527. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Phú Xuyên/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2. - 2019. - 771tr.

VL54619, HVL3947, VL003485, DC004048

528. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội: Địa bạ huyện Phúc Thọ / Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 1343tr.; 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

VL54620, HVL3948, VL003486, DC004049

529. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội : Địa bạ huyện Sơn Minh/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T. 1 . - 2019. - 798tr.

VL54626, HVL3954, VL003492, DC004055

530. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội : Địa bạ huyện Sơn Minh/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2. - 2019. - 658tr.

VL54627, HVL3955, VL003493, DC004056

531. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội : Địa bạ huyện Thanh Oai/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.1. - 2019. - 887tr.

VL54621, HVL3949, VL003487, DC004050

532. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội : Địa bạ huyện Thanh Oai/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2. - 2019. - 895tr.

VL54622, HVL3950, VL003488, DC004051

533. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội : Địa bạ huyện Thanh Trì/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.1. - 2019. - 847tr.

VL54628, HVL3956, VL003494, DC004057

534. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội : Địa bạ huyện Thanh Trì/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2. - 2019. - 719tr.

VL54629, HVL3957, VL003495, DC004058

535. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội : Địa bạ huyện Thượng Phúc/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.1. - 2019. - 778tr.

VL54623, HVL3951, VL003489, DC004052

536. Tuyển tập địa bạ Thăng Long - Hà Nội : Địa bạ huyện Thượng Phúc/ Vũ Văn Quân chủ biên. - H.: Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách 1000 năm Thăng Long)

T.2. - 2019. - 723tr.

VL54624, HVL3952, VL003490, DC004053

537. Tuyển tập văn bia Hà Nội, Q.1. - H.: Khoa học xã hội, 1978. - 210tr.; 25cm

HVL128, HVL276, HVL451, HVL452, HVL453, HVL78

538. Tuyển tập văn bia Hà Nội, Q.2. - H.: Khoa học xã hội, 1978. - 198tr.; 19cm

HVV1790, HVV1791

539. Văn bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long/ Ngô Đức Thọ: Khảo cứu, giới thiệu, nguyên văn, dịch chú. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 942tr.; 24cm

HVL3000, HVL3009

540. Văn hiến Thăng Long/ Vũ Khiêu, Nguyễn Vinh Phúc: chủ biên. - H.: Văn hóa thông tin, 2000. - 288tr.; 19cm

HVV3118, HVV3119

541. Văn hóa Thăng Long - Hà Nội hội tụ và tỏa sáng/ Trần Văn Bính: chủ biên Tái bản. - H.: Chính trị Quốc gia, 2004. - 446tr.; 22cm

HVL1179, HVL1180, HVL1311, HVL1312

542. Văn hóa thông tin thủ đô - Hồi ức và kỷ niệm. - H.: Sở Văn hóa - Thông tin, 2000. - 279tr.; 19cm

HVV3293, HVV3294, HVV3307, HVV3648, HVV3660, TLVV391

543. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ Thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2020 - 2025. - H.: Thông tấn, 2020. - 246tr.; 19cm

HVV4762

544. Về bản sắc văn hóa Hà Nội trong văn học nghệ thuật thế kỷ XX: Kỷ yếu hội thảo. - H.: Tri thức, 2010. - 276tr.; 24cm

HVL3201

545. Với Thăng Long - Hà Nội. - H.: Thế giới; Công ty Từ Văn, 2011. - 683tr.; 24cm

HVL3481, HVL3742, VL50275, VL50276, VL000293

546. VŨ BẰNG. Miếng ngon Hà Nội/ Vũ Bằng. - H.: Văn học, 1994. - 177tr.; 19cm

HVV1461, HVV1462

547. VŨ KHIÊU. Từ văn hiến Thăng Long đến hào khí Đồng Nai và Thành đồng Tổ quốc/ Vũ Khiêu. - H.: Nxb. Hà Nội, 2010. - 416tr.; 27cm

HVL3114, HVL3115

548. VŨ NGỌC KHÁNH. 36 danh hương Thăng Long Hà Nội: 36 làng nổi tiếng Thăng Long Hà Nội/ Vũ Ngọc Khánh. - H.: Thanh niên, 2010. - 394tr.; 21cm

HVL2809, HVL2810

549. VŨ NGỌC KHÁNH. Giai thoại Thăng Long: Chuyện kẻ chợ, chuyện kinh kỳ/ Vũ Ngọc Khánh, Đỗ Thị Hảo. - H.: Nxb. Hà Nội, 1987. - 135tr.; 19cm

HVV995, HVV996

550. VŨ NGỌC PHAN. Chuyện Hà Nội. Khảo cứu về Hà thành xưa và nay / Vũ Ngọc Phan, Lê Dư. - H.: Văn học, 2019. - 229tr. ; 21cm

VV84730, HVV4715, VV019322, DC004042

551. VŨ THANH SƠN. Những vị thần được thờ ở Hà Nội/ Vũ Thanh Sơn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2004. - 416tr.; 21cm

HVL1279, HVL1280

552. Vũ Tông Phan cuộc đời và thơ văn/ Vũ Thế Khôi biên khảo, tuyển chọn và dịch. - H.: Văn học, 1995. - 338tr.; 19cm

HVV2319, HVV2320, TLVV358

553. Vũ Tông Phan với văn hóa Thăng Long - Hà Nội/ Vũ Thế Khôi: chủ biên. - H.: Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2001. - 355tr.; 21cm

HVL848, HVL849

554. VŨ TỪ TRANG. Nghề cổ nước Việt - Từ truyền thống đến hiện đại: Nghiên cứu văn hóa / Vũ Từ Trang; Henri Oger tranh. - H.: Phụ nữ, 2019. - 700tr.: tranh vẽ; 21cm

VV83862, HVV4704, VV018717, DC004023

555. VŨ VĂN QUÂN. Thăng Long - Hà Nội 1000 sự kiện lịch sử/ Vũ Văn Quân. - H.: Nxb. Hà Nội, 2016. - 787tr.; 21cm

HVV4626, VV80591, DC003931, VV015379

556. Vùng đất Thăng Long - Hà Nội. - H.: Thông tấn, 2012. - 318tr.; 21cm

HVV4558, HVV4559

557. Vùng ven sông Nhị. T.1. - H.: Nxb. Hà Nội, 1979. - 154tr.; 19cm

HVV1888, HVV645, HVV735

558. VƯƠNG THỪA VŨ. Từ mặt trận Hà Nội đến các chiến trường/ Vương Thừa Vũ. - H.: Quân đội nhân dân, 2006. - 648tr.; 21cm

HVL1924, HVL1925, HVL1982, HVL1983

559. VƯƠNG TRÍ NHÀN. Một số nhà văn Việt Nam hôm nay với Hà Nội: Kể chuyện đời sống văn học/ Vương Trí Nhàn. - H.: Nxb. Hà Nội, 1986. - 177tr.; 19cm

HVV894

THƯ MỤC ĐỊA CHÍ HÀ TÂY CŨ (NAY LÀ HÀ NỘI)

---

1. 30 năm Đảng bộ và nhân dân Hà Tây thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. - Hà Tây: Tuyên giáo tỉnh ủy, 1999. - 39tr.; 19 cm

DC.002180, DC.002356, DC.002181

2. 40 năm trưởng thành, chiến thắng vẻ vang các lực lượng vũ trang nhân dân: Tài liệu tuyên truyền. - Hà Sơn Bình: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, 1984. - 11tr.; 19 cm

DC.000098

3. Ba mươi năm xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh Hà Tây [1945-1974]: Tài liệu mật. - Hà Tây: Chi Cục Thống kê, 1975. - 327tr.; 19 cm

DC.000009, DC.000010

4. Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Hà Tây. - H.: Lao động xã hội, 2001. - 499tr.; 29 cm

PM.010735, DC.003489

5. Bác Hồ sống mãi trong lòng nhân dân Hà Tây. - Hà Tây: Ban Tuyên giáo, 1969. - 50tr.; 19 cm

DC.000014

6. Bác Hồ với Hà Sơn Bình. - Hà Sơn Bình: Tỉnh ủy, 1990. - 178tr.; 19 cm

VN.006675 - 006674, PM.000193 - 000194, DC.000959

7. Bác Hồ với Hà Tây. - Hà Tây: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, 2006. - 279tr.; 20cm

VN.025347, PM.023908, DC.003181

8. Bác Hồ với nhân dân Hà Tây. - Hà Tây: Ty văn hóa, 1968. - 55tr.; 19 cm

DC.000015, DC.000016

9. BÙI DUY TÂN. Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan / Bùi Duy Tân chủ biên. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2000. - 481tr.; 24 cm

DC.002300, DC.003345, VV.003951, PM.021105, TC.001807

10. Ca dao Hà Tây: 1965-1970. - Hà Tây: Ty Văn hóa Hà Tây, 1970. - 103tr.; 19 cm.

DC.000103, DC.000102, VN.000251

11. Ca khúc Hà Tây tuyển chọn. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật, 2006. - 146tr.; 27 cm

DC.003390

12. Các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tây [1947-2005]. - Hà Tây: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, 2005. - 424tr.; 24 cm

DC.003096, DC.003097

13. Các nghề truyền thống Việt Nam/ Trần Vệ, Lê Đăng Khánh biên soạn. - H.: Bộ Thương mại, 2005. - 79tr.; 30 cm

DC.003316

14. Câu đối cổ Hà Tây: Tuyển chọn. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật, 2006. - 750 tr.; 21 cm

VN.026292, DC.003384, PM.026788

15. Chương Mỹ trên hành trình phát triển. - H.: Văn hóa thông tin - Công ty Văn hóa trí tuệ Việt, 2007. - 343tr.: bản đồ; 21cm

HVL23167

16. Chương Mỹ xưa và nay. - H.: Sở Văn hóa thông tin Hà Tây, 2003. - 733tr.;21cm

HVL2366

17. Công an nhân dân Hà Tây: Lịch sử biên niên (1954-1975). - Hà Tây: Công an tỉnh, 2003. - 341tr.;19 cm

DC.002808, DC.002809

18. Công nghiệp Hà Tây = Catalogue HaTay's industry. - Hà Tây: Sở Công nghiệp, 2000. - 64tr.;27 cm

DC.002338, DC.002339

19. Danh nhân - danh y Hoàng Đôn Hòa. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật Hà Tây, 2007. - 639tr.;21 cm

DC.003279

20. Danh nhân quê hương. - Hà Tây: Ty văn hóa thông tin Hà Tây. - 19cm
Tập 1. - 1973. - 222 tr.

DC.000338, DC.000177, DC.001323

21. Danh nhân quê hương. - Hà Tây: Ty Văn hóa thông tin Hà Tây. - 19cm
Tập 2. - 1974. - 272tr.

DC.000339, DC.000179, DC.001324

22. Danh nhân quê hương. - Hà Tây: Ty Văn hóa thông tin Hà Tây. - 19cm
Tập 3. - 1976. - 210 tr.

DC.000340, DC.000180, DC.000181, DC.001325

23. Danh nhân Tô Hiến Thành cuộc đời và sự nghiệp. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 1999. - 216tr ; 19cm

DC.002226, DC.002227

24. Địa lý Hà Tây. - H. : Giáo dục, 1994. - 37tr.;19cm

DC.001354, DC.001355

25. Dân số tỉnh Hà Tây 1 /4 /1989. - Hà Tây: Cục Thống kê, 1992. - 297tr ; 27 cm

DC.000184, DC.000232, DC.000233

26. Du lịch đền thờ Hai Bà Trưng ở Hát Môn = Tourism at Hai Ba Trung temple in Hat Mon / Chu Huy biên soạn; Nguyễn Thị đan Quế dịch. - Hà Tây: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, 2008. - 36tr.;19 cm

DC.003423

27. Du lịch Hà Tây = Ha Tay tourism. - Hà Tây: Sở Du lịch, 2002. - 62tr.;19 cm

DC.002671, DC.002672, DC.002673

28. Đặc sản và ẩm thực dân gian Hà Tây / Đặng Văn Tu, Yên Giang biên soạn; nhiều tác giả. - Hà Tây: Văn hóa thông tin, 2004. - 252 tr.;20 cm

DC.002910, DC.002911, VN.022085

29. Đặng gia phả ký / Trần Lê Sáng chủ biên, Nguyễn Huy Thức, Nguyễn Hữu Tưởng. - H.: Viện nghiên cứu Hán Nôm, 2000. - 60tr.;19 cm

DC.002890

30. ĐẶNG HIỂN. Đôi cánh: Trường ca viết về anh hùng lái máy bay Nguyễn Đức Soát / Đặng Hiển. - In lần thứ 2. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật, 1994. - 54tr.;19 cm

DC.000221, DC.000329, DC.000222, DC.000220, VN.009695

31. ĐẶNG XUÂN VINH. Hỏi và đáp về Đặng gia phả ký và sự phát triển của dòng họ / Đặng Xuân Vinh. - H.: Khoa học xã hội, 2007. - 116tr.;19 cm

DC.003292, DC.003397

32. Đảng bộ huyện Phúc Thọ từ đại hội I đến đại hội XVII [1948-2000]. - Hà Tây: Phúc Thọ, 2005. - 100tr.;21 cm

DC.003259

33. Đảng bộ huyện Quốc Oai qua các kỳ đại hội. - Hà Tây: Đảng bộ huyện Quốc Oai, 2001. - 174tr.;19 cm

DC.002801, DC.003256

34. Đảng bộ huyện Thạch Thất qua các kỳ đại hội 1945-1991. - Thạch Thất: Ban Chấp hành đảng bộ huyện, 1991. - 143tr.;19 cm

HVV1181, HVV1182, DC.000198, DC.000199

35. Đảng bộ huyện Thanh Oai từ đại hội đến đại hội. - Thanh Oai: Ban Chấp hành Đảng bộ, 1996. - 119tr.;19 cm

DC.002281

36. Đảng bộ thị xã Hà Đông qua các kỳ Đại hội. - Hà Tây: Tỉnh ủy Hà Tây, 1999. - 156tr.;19 cm.

DC.002383, DC.002382, VN.017933

37. Danh mục lễ hội truyền thống Hà Tây. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin Hà Tây, 2007. - 67tr.;18cm

DC.003421, DC.003422, VN.026387

38. Đất Phú Xuyên người Phú Xuyên. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2005. - 328tr.;20 cm

HVV4603, DC.003094, DC.003095

39. Đề cương báo cáo của tỉnh ủy về tình hình 5 năm 1981-1985 và nhiệm vụ 5 năm 1986-1990. - Hà Sơn Bình: Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, 1986. - 13tr.;19 cm

DC.000210, DC.000211

40. Địa bạ Hà Đông / Phan Huy Lê. - H.: Nxb. Hà Nội. - 30 cm

Tập 1: Từ Liêm, Đan Phượng, Thượng Phúc, Hoài An, Sơn Minh. - 1995. - 630 tr.

DC.002919, DC.002920

41. Địa chí Hà Tây / Đặng Văn Tu, Nguyễn Tá Nhí: chủ biên. - Tái bản, sửa chữa và bổ sung. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2007. - 895tr.;27 cm

HVL2207, DC.003463, DC.003464, VV.007678, VV.007679

42. Địa chí Hà Tây / Đặng Văn Tu, Nguyễn Tá Nhí: chủ biên. - Tái bản có sửa chữa bổ sung. - H. : Nxb. Hà Nội, 2011. - 995tr.;24cm. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

DM17620, VL40691, VL40692, VV008883, HVL614, HVL3184, HVL3185

43. Địa chí Hà Tây / Hoàng Thiếu Sơn, Phượng Vũ chủ biên; Nhiều tác giả. - Hà Tây: Sở Văn hóa - Thông tin, 1999. - 424tr.;28 cm

DC.002222, DC.002542, DC.002716, DC.002223, VV.003820,VV.003821

44. Địa chí huyện Thạch Thất. - Hà Tây: Huyện ủy Thạch Thất, 2005. - 384tr.;21 cm

DC.003193, DC.003219, DC.003270

45. Đơn vị anh hùng- anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hà Tây. - H.: Quân đội nhân dân, 2002. - 399tr.;19 cm

DC.002586, DC.002585, VN.002136

46. Gia phả họ Trần tỉnh Hà Tây. - Hà Tây: Thư viện tỉnh, 2004. - **28**tr.;27cm

DC.002892

47. Giới thiệu sơ lược tỉnh Hà Tây. - Hà Tây: Ty Văn hóa, 1965. - 48tr.;19 cm

DC.000248, DC.000960, DC.000249

48. Giới thiệu tóm tắt tỉnh Sơn Tây. - Hà Tây: [Knxb]. - 25tr.;30 cm

DC.001526, DC.001527, DC.002998, DC.1528, DC.002999

49. HÀ KÍNH. Truyền thuyết Sơn Tinh / Hà Kính, Đoàn Công Hoạt ; Đinh Gia Khánh : viết lời bạt. - In lần thứ 2, có bổ sung. - H.: Ty Văn hóa thông tin Hà Tây, 1975. - 116tr.;19cm

HVV647

50. Hà Sơn Bình 30 năm đấu tranh vũ trang cách mạng 1945-1975. - Hà Sơn Bình: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Ty văn hóa thông tin, 1978. - 238tr.;24 cm.

DC.002495, VV.001625

51. Hà Sơn Bình lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954 H.: Quân đội nhân dân, 1990. - 344tr.;19 cm

DC.000261, DC.000262, DC.000263, VN.006665, VN.006666

52. Hà Tây - tiềm năng, đầu tư, phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000. - H.: Tạp chí công nghiệp, 1997. - 81tr.;30 cm

DC.001514, DC.001513, VV.003099

53. Hà Tây 10 năm chiến đấu bảo vệ hậu phương chi viện tiền tuyến. - Hà Tây: Ban Chỉ huy quân sự tỉnh. - 93tr.;25cm

HVL100, DC.001027

54. Hà Tây làm theo lời Bác . - Hà Tây: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 1997. - 405tr.;20cm

VL13746, VL13747, DC.001570, DC.001569, VN.013612

55. Hà Tây làng nghề - làng văn / Phương Vũ, Chu Huy, Trần Lê Văn, Ngọ Vũ . - H.: Thể thao. - 20cm

Tập 1: Làng nghề. - 1992. - 207tr.

DC.000008, DC.002646, DC.000273, VN.010249, VN.008500

56. Hà Tây lịch sử kháng chiến chống đế quốc Mỹ 1954-1975. - H.: Quân đội nhân dân, 1994. - 254tr.;19 cm

DC.001057, DC.001059, DC.001058

57. Hà Tây lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp: 1945-1954. - H.: Quân đội nhân dân, 1998. - 426tr.;19 cm

DC.001878, DC.001907, DC.001906

58. Hà Tây quê lụa. - H.: Thông tấn, 2005. - 50tr.;16 cm

DC.003085, DC.003086

59. Hà Tây thế và lực mới trong thế kỷ XXI = Ha Tay - New Image in Century XXI. - H.: Chính trị quốc gia, 2004. - 895tr.;27cm

DC.003618, DC.003619

60. Hà Tây thiên nhiên và con người. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 1995. - 36tr.;27cm

DC.001256, DC.001257

61. HÀM CHÂU. Tài danh khoa học Việt Nam / Hàm Châu, Lê Gia Vinh, Vũ Bội Tuyền . - H.: Thanh niên, 2001. - 295tr.;19 cm

DC.002557, VN.018920

62. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của hội đồng nhân dân - uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Tây năm 2004. - Hà Tây: Uy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, 2005. - 390tr.;27 cm

DC.003192, DC.003265

63. Hoa thơm quê lụa: Viết về điển hình tiên tiến phong trào thi đua yêu nước thời kỳ đổi mới. - Hà Tây: Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh, 2000. - 163tr.;24 cm

DC.002340, DC.002370, DC.002371, DC.003092, DC.003091

64. Hoài Đức 30 năm 1954-1984. - H.: Phòng Văn hóa thông tin Hoài Đức, 1984. - 72tr.;30 cm

DC.000291, DC.001517

65. Hoài Đức toàn cảnh trên đường phát triển = A panorama of Hoai Đuc on the Development. - TP. Hồ Chí Minh: Văn hóa Sài Gòn: Công ty văn hóa Trí Việt, 2006. - 331tr.;21 cm

DC.003207

66. HOÀI VIỆT. Nguyễn Trãi / Hoài Việt. - H.: Nxb. Hà Nội, 2003. - 204tr.;19cm

DC.002704, VN.020355

67. HOÀNG ĐẠO CHÚC. Lễ nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ với thảm án Lệ Chi Viên / Hoàng Đạo Chúc chủ biên, Phan Văn Các, Hoàng Đạo Chúc. - H.: Văn hóa thông tin, 2004. - 528tr.;20cm

DC.002885, DC.002886, VN.022088, TC.002301

68. Hồ Chủ Tịch với cán bộ và nhân dân Hà Tây. - Hà Tây: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, 1973. - 132tr.;19cm

VL7628, DC.000293, DC.001136

69. HỒ SĨ VỊNH. Lễ hội cổ truyền Hà Tây / Hồ Sĩ Vịnh, Phượng Vũ. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 1995. - 312tr.;19 cm

DC.001087, DC.001090, DC.001089, DC.001088

70. Hồi ký cách mạng Hà Tây. - Hà Tây: Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Tây. - 19cm

Tập 1. - 1970. - 76tr.

DC.000295, DC.000296, DC.000297, DC.000298, DC.000299

71. Hồi ký cách mạng Hà Tây. - Hà Tây: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Tây. - 19cm

Tập 2. - 1970. - 82tr.

DC.000300, DC.000301, DC.000302, DC.000326

72. Hội thảo khoa học kỷ niệm lần thứ 225 năm sinh danh nhân Phan Huy Chú (1782 - 2007). - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2008. - 99tr.;24 cm

HVL2266, DC.003452, DC.003451 VV.007726,VV.007727

73. Hương ước cổ Hà Tây / Nguyễn Tá Nhí dịch ; Đặng Văn Tu hiệu đính. - Hà Tây: Bảo tàng tổng hợp, 1993. - 166tr.;20 cm

DC.000704, DC.000707, DC.00705, DC.000706

74. KHÁNH VÂN. Tấm gương anh hùng Đỗ Văn Đạo / Khánh Vân, Xuân Chiểu . - Hà Tây: Phòng chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, 1974. - 71tr.;19 cm

DC.000701, DC.000703, DC.000702

75. Kho tàng văn học dân gian Hà Tây / Dương Kiều Minh, Yên Giang, Lã Duy Lan, Minh Nhương, Vũ Quang Dũng, Đoàn Công Hoạt biên soạn. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật, 2006. - 938 tr.;20 cm

DC.003386, VN.026289

76. Kiểm điểm 2 năm 1987-1988 thực hiện Nghị quyết đại hội 6 của Đảng và những chủ trương biện pháp 2 năm 1989-1990: Nghị quyết hội nghị tỉnh ủy lần thứ 8. - Hà Sơn Bình: Ban Thường vụ tỉnh ủy, 1989. - 23tr.;19 cm

DC.000348

77. Kỷ yếu các kỳ họp hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây khóa XII nhiệm kỳ 1994-1999. - Hà Tây: Hội đồng nhân dân, 1999. - 249tr.;27 cm

DC.002206

78. Làn điệu chèo cổ. - Hà Tây: Ty văn hóa, 1970. - 55tr.;19 cm.

DC.001103

79. Làng cổ ở Đường Lâm = Ancient Villages in Đuong Lam. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin Hà Tây, 2006. - 32tr.;29 cm

DC.003271, DC.003272

80. Làng nghề Hà Tây 2001. - Hà Tây: Sở Công nghiệp, 2001. - 178tr.;31 cm

DC.002573

81. Làng văn hóa Hà Tây. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2003. - 258tr.;19 cm

DC.002826, DC.002827

82. LÊ HẢI TRIỀU. Anh hùng trong chiến dịch Hồ Chí Minh / Lê Hải Triều. - **H.:** Quân đội nhân dân, 2005. - 359tr.;20 cm

DC.003001, VN.022920, TC.002377

83. Lễ hội cổ truyền Hà Tây / Hồ Sĩ Vịnh, Phượng Vũ. - Hà Tây : Sở Văn hóa thông tin Hà Tây, 1995. - 311tr.;19cm

HVV1638

84. Lịch sử báo Đảng bộ tỉnh Hà Tây 1938-2000. - Hà Tây: Ban biên tập Báo Hà Tây, 2001. - 400 tr.;20 cm

DC.002483, DC.002484, VN.018406

85. Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Thường Tín: Sơ thảo. - Hà Tây: Thường Tín. - 19cm

Tập 1: 1930-1945. - 1989. - 95tr.

DC.000377, DC.000378

86. Lịch sử công an nhân dân huyện Quốc Oai 1945-2005. - Hà Tây: Công an huyện Quốc Oai, 2006. - 271tr.;21 cm

DC.003232, DC.003233

87. Lịch sử công tác tuyên giáo Đảng bộ tỉnh Hà Tây: (1938-2000). - Hà Tây: Tỉnh uỷ, 2000. - 467tr. ; 20 cm

DC.002349, DC.002350, DC.002367

88. Lịch sử Đảng bộ dân chính Đảng tỉnh Hà Tây: (1957-2000). - Hà Tây : Tỉnh uỷ, 2000. - 191tr.;20 cm

DC.002341, DC.002342, DC.002503, DC.002505, DC.002504

89. Lịch sử Đảng bộ Hà Tây. - Hà Tây. - 19cm

Tập 1: 1926 - 1945. - 1992. - 296tr.

DC.002143, DC.002142, DC.000388, DC.000047

90. Lịch sử Đảng bộ Hà Tây. - Hà Tây. - 19cm

Tập 2: 1945 - 1954. - 1994. - 354tr.

DC.000999, DC.000006, DC.000021, DC.000998

91. Lịch sử Đảng bộ Hà Tây. - Hà Tây. - 20cm

Tập 3: 1954 - 1975. - 2002. - 404tr.

DC.002642, DC.002643

92. Lịch sử Đảng bộ huyện Chương Mỹ. - Hà Tây: Nxb. Hà Tây. - 19cm

Tập 2: 1954 - 1991. - 1995. - 173tr.

DC.001069 - 001068

93. Lịch sử Đảng bộ huyện Phúc Thọ. - Hà Tây : Nxb.Hà Tây. - 19cm

Tập 1: 1930-1945. - 1994. - 100tr.: 6 ảnh, 2 bản đồ

DC.001084, DC.001085, DC.001262

94. Lịch sử Đảng bộ huyện Phúc Thọ. - Hà Tây: Nxb.Hà Tây. - 19cm

Tập 2: 1945-1975. - 2000. - 264tr.

DC.002344, DC.002345, DC.002346

95. Lịch sử Đảng bộ huyện Quốc Oai. - Hà Tây: Huyện ủy Quốc Oai. - 19 cm

Tập 1: 1930 - 1945. - 1983. - 74 tr.

DC.000389

96. Lịch sử Đảng bộ huyện Quốc Oai. - Hà Tây: Huyện ủy Quốc Oai. - 19 cm

Tập 2: 1945 - 1954. - 1994. - 272 tr.

DC.001079, DC.001080, DC.001078

97. Lịch sử Đảng bộ huyện Ứng Hòa. - Hà Tây: Nxb Hà Tây. - 19cm

Tập 1: 1930 - 1954. - 1993. - 231tr.

DC.001070, DC.001071

98. Lịch sử Đảng bộ thị xã Hà Đông. - Hà Tây: Thị xã Hà Đông. - 20 cm

Tập 2: 1975 - 2000. - 2004. - 255 tr.

DC.002954, DC.003230

99. Lịch sử Đảng bộ thị xã Hà Đông. - Hà Đông: Thị xã Hà Đông. - 20 cm

Tập 1: 1936-1954. - 2004. - 200 tr.

DC.002953, VN.022895

100. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Tây. - Hà Tây: Xí nghiệp in, 2002. - 404tr.;19 cm

DC.003105, DC.003106

101. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Tây. - Hà Tây: Tỉnh uỷ. - 20 cm

Tập 2: 1945-1954.

VN.019888, VN.009948, VN.009949, DC.003474, DC.003475

102. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Tây. - Hà Tây: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. - 20 cm

Tập 3. - 2002. - 404tr.

DC.003474, DC.003475, VN.019888

103. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Tây. - Hà Tây: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. - 20 cm

Tập 4: 1975-2008. - 2008. - 431tr.

DC.003474, DC.003475, VN.027093

104. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị xã Hà Đông. . - Hà Tây : Ban sưu tầm tài liệu lịch sử thị xã Hà Đông. - 19cm

Tập 1 : 1936 - 1954. - 1990. - 203tr.

DC.002762

105. Lịch sử Hà Tây . - H.: Giáo dục, 1994. - 36tr.;19 cm

DC.001014

106. Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện tỉnh Hà Tây (1947-2000) . - **H.:** Quân đội nhân dân, 2002. - 439tr.;19 cm.

ĐTTS: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tây

DC.002583, DC.002584

107. Lịch sử mặt trận tổ quốc tỉnh Hà Tây 1930-2002. - Hà Tây: Uỷ ban tỉnh, 2003. - 440tr.;19 cm

DC.002806, DC.002807

108. Lịch sử truyền thống cách mạng phụ nữ Hà Tây 1930-1975. - Hà Tây: Hội Liên hiệp phụ nữ, 1997. - 322tr. ; 19 cm

DC.001511, DC.001512, VN.013105

109. Lịch sử truyền thống cách mạng phụ nữ Hà Tây. - Hà Tây: Hội Liên hiệp phụ nữ. - 21cm

Tập 2: 1976-2000. - 2002. - 216tr.

DC.002663, DC.003038, DC.002662

110. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Mỹ Đức [1945-1954]. - Mỹ Đức: BCH. Đảng bộ xã, 1991. - 95 tr.;19 cm

DC.002263

111. Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng huyện Hoài Đức. - Hà Sơn Bình : Huyện ủy và nhân dân, 1986. - 117 tr.;19 cm

DC.000396

112. Lực lượng vũ trang Hà Tây 1996-1999. - Hà Tây: Bộ Chỉ huy quân sự, 1998. - 24tr.;19 cm

DC.001916, DC.001917

113. Một số trận chiến đấu điển hình của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hà Tây. - H.: Quân đội nhân dân. - 19cm

Tập 2 : 1947 - 1975. - 2002. - 223tr.

DC.002587

114. Một số vấn đề văn hiến Hà Tây truyền thống và hiện đại: Kỷ yếu hội thảo / Nhiều tác giả. - Hà Tây: Sở Văn hóa Thông tin: Trung tâm bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân tộc, 2004. - 267tr.;24cm

DC.002905, DC.002906

115. Một số vấn đề về văn hóa truyền thống Hà Tây với Thăng Long - Hà Nội: Kỷ yếu hội thảo / Nhiều tác giả . - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2002. - 280 tr.;24 cm

DC.002725, DC.002955, VV.005454

116. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 1998. - 96tr.;19 cm

DC.001888, DC.001889, DC.001927

117. Ngô Thì Nhậm con người và sự nghiệp/ Văn Tân; Văn Lang; Lê Sĩ Thắng. - Hà Tây: Ty Văn hóa thông tin Hà Tây, 1974. - 204tr.;19 cm

DC.000524, DC.000525, DC.003370

118. NGUYỄN HỮU THỨC. Tín ngưỡng , tôn giáo và lễ hội dân gian Hà Tây /

Nguyễn Hữu Thức. - H.: Văn hóa thông tin: Viện văn hóa, 2008. - 291tr.;21cm

DC.003441, VN.026470

119. NGUYỄN MINH TƯỜNG. Nguyễn Trãi anh hùng giải phóng dân tộc danh nhân văn hóa thế giới/ Nguyễn Minh Tường. - H.: Văn hóa thông tin, 2003. - 155tr.;19cm

DC.002763, DC.002764, VN.02104

120. NGUYỄN TÁ NHÍ. Làng mỹ tục Hà Tây / Nguyễn Tá Nhí. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2000. - 302tr.;24 cm

DC.002298, DC.002299

121. NGUYỄN TÁ NHÍ. Phượng Dực đăng khoa lục / Nguyễn Tá Nhí khảo cứu, Dịch chú và Giới thiệu. - H.: Khoa học xã hội, 1995. - 262tr.

DC.002487, DC.001278, DC.0011278, VN.011407,VN.011408

122. NGUYỄN TÁ NHÍ. Văn học Hán Nôm Hà Tây 10 thế kỷ / Chủ biên : Nguyễn Tá Nhí, Phượng Vũ. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 1997. - 531tr.;19 cm

DC.001531, DC.001532

123. NGUYỄN TIẾN DOÃN. Nguyễn Trãi nhà giáo dục Việt Nam / Nguyễn Tiến Doãn. - H.: Giáo dục, 1996. - 76tr.;19 cm

DC.001552, DC.001553, VN.013448,VN.013449

124. NGUYỄN TIẾN HUY. Nguyễn Đức Cần kỳ nhân đất Việt: Sách hướng dẫn rèn luyện và chữa bệnh bằng Tâm năng - Y lượng / Nguyễn Tiến Huy. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2004. - 243tr.;27 cm

DC.003078, DC.003079

125. NGUYỄN TRÃI. Nguyễn Trãi về tác gia và tác phẩm / Nguyễn Trãi; Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn. - H.: Giáo dục, 2001. - 1031tr ; 24 cm

DC.002152, DC.002726, VV.003730

126. Nguyễn Trực - Từ cội nguồn tới ngôi sao rực sáng trên văn đàn Thăng Long / Đinh Công Vĩ, Nguyễn Quốc Khánh biên soạn. - H.: Văn hóa thông tin, 2005. - 115tr.;21 cm

DC.003110, VN.023875

127. NGUYỄN VĂN HUYÊN. Góp phần nghiên cứu về ông thần hoàng An Nam Ly Phục Man / Nguyễn Văn Huyên; Người dịch : Lê Gia Hội. - Hà Tây: Ty Văn hóa, 1974. - 13tr ; 24 cm

DC.000341, DC.002989, DC.002988

128. Người Hà Tây trong làng khoa bảng. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2001. - 286tr.;27 cm

DC.002570, DC.002571, DC.003356, VV.004361,VV.004362

129. Nhiếp ảnh Hà Tây: Tuyển chọn. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật, 2006. - 92 tr.;25 cm

DC.003389 VV.007525

130. Nhớ một thời trường sơn đánh Mỹ. - Hà Tây: Ban liên lạc đội thanh niên xung phong 303. - Hà Tây, 2005. - 164tr.;21 cm

DC.003236

131. Những cô gái Hà Tây. - Hà Tây: Hội Liên hiệp phụ nữ, 1966. - 12tr.;19 cm

DC.000548, DC.000549

132. Những người con gái đảm Hà Tây. - Hà Tây: Tỉnh Hội Liên hiệp phụ nữ. - 19cm

Tập 2 . - 1972. - 71tr.

DC.000558

133. Những người con trung hiếu. - Hà Tây: Ty Thương binh xã hội: Ty văn hóa, 1975. - 43tr.;19 cm

DC.000554, DC.000555, DC.000556

134. Niên giám thống kê 1985-1990-1991. - Hà Tây: Cục Thống kê, 1992. - 128tr.;19 cm

DC.003431

135. Niên giám thống kê 2004 = Statistical Yearbook 2004. - Hà Tây: Cục Thống kê, 2005. - 198tr.;25 cm

DC.003400

136. Niên giám thống kê 2005 = Statistical Yearbook 2005. - Hà Tây: Cục Thống kê, 2006. - 202tr.;25 cm

DC.003401

137. Niên giám thống kê 2006. - Hà Tây, 2007. - 220tr.;24cm

DC.003318 VV.007518

138. Niên giám thống kê năm 1975. - Hà Tây: Chi Cục Thống kê, 1976. - 39tr. ; 30 cm

DC.000566

139. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 1990 - 1994. - Hà Tây: Cục Thống kê tỉnh Hà Tây, 1995. - 134tr.;19 cm

DC.001299, DC.001300

140. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 1990-1993 . - Hà Tây : Cục Thống kê, 1994. - 155tr.;19 cm

DC.003424

141. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 1995-1996. - Hà Tây: Cục Thống kê, 1997. - 128tr.;19 cm

DC.001588, DC.001589

142. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 1995-1998. - Hà Tây: Tổng Cục Thống kê, 1999. - 152tr.;19cm

DC.002211

143. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 1995-1999. - Hà Tây: Cục Thống kê tỉnh, 2000. - 167tr.;19 cm

DC.002351, DC.002352

144. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 1996-1997. - Hà Tây, 1998. - 130tr ; 19 cm

DC.001993, DC.001994, DC.003425

145. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 1996-2000. - Hà Tây: Cục Thống kê, 2001. - 150tr.;24cm

DC.002568, DC.002569

146. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 2000 - 2003. - Hà Tây: Cục Thống kê, 2004. - 198tr.;30 cm

DC.003430

147. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 2000-2001. - Hà Tây: Cục Thống kê, 2001. - 174tr.;24 cm

DC.002695, DC.003429

148. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 2000-2002. - Hà Tây: Cục Thống kê, 2003. - 175tr.;24 cm

DC.003399, DC.003398

149. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây năm 1995. - Hà Tây: Cục Thống kê, 1996. - 165tr.;19 cm

DC.001353

150. PHẠM XUÂN ĐỘ. Sơn Tây tỉnh địa chí / Phạm Xuân Độ kiểm học. - Hà Tây, 1941. - 154tr.;30 cm

DC.000990, DC.001304, DC.003166

151. PHAN NGỌC KHUÊ. Nghệ sĩ điêu khắc Đào Văn Can / Phan Ngọc Khuê. - Hà Tây: Hội văn học nghệ thuật, 1998. - 83tr.;24 cm

DC.001914, DC.001915, VV.003571

152. Phùng Khắc Khoan cuộc đời và thời đại: Kỷ yếu Hội thảo khoa học danh nhân văn hóa Phùng Khắc Khoan 1992. - Hà Tây: Sở Văn hóa: UBND huyện Thạch Thất, 1993. - 109tr.;27 cm

DC.000956

153. PHÙNG KIM BẢNG. Bản sắc vùng đất cổ núi tản sông nhị: Địa - lịch sử và văn hóa / Phùng Kim Bảng. - H.: Văn hóa thông tin, 2008. - 698tr.;20cm

VN.028145, DC.003590

154. PHƯỢNG VŨ. Lễ hội cổ truyền Hà Tây / Phượng Vũ, Hồ Sĩ Vịnh. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2000. - 429tr.;19 cm

DC.002296, DC.002297

155. Quang Dũng người thơ Tây Tiến và xứ Đoài / Nguyễn Xuân Lạc biên soạn. - TP.Hồ Chí Minh: Trẻ, 2002. - 167tr.;20 cm

DC.002592, VN.019400

156. Quốc Oai 50 năm xây dựng và phát triển (1945-1995). - Hà Tây: Uỷ ban nhân dân huyện Quốc Oai, 2001. - 224tr.;19 cm

DC.002678

157. Quốc Oai một thời để nhớ - Hồi ký kháng chiến chống Pháp [1945 - 1954] . - Hà Tây: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 2004. - 231tr.;21 cm

DC.003053

158. Số liệu kiểm kê đất đai năm 1995 tỉnh Hà Tây: Theo chỉ thị số 382CT /ĐC ngày 31 /12 /1995 của Tổng cục địa chính. - Hà Tây: Sở Địa chính, 1996. - 108tr.;20 cm

DC.001591

159. Số liệu thống kê kinh tế xã hội tỉnh Hà Tây năm 1998-1999. - Hà Tây: Chi Cục Thống kê, 1999. - 36tr.;19 cm

DC.002210

160. Sơ thảo lịch sử cách mạng tháng 8 Hà Đông - Sơn Tây: 1939-1945. - Hà Tây: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, 1967. - 313tr.;19 cm

DC.000046, DC.003371, DC.002275, VN.001299

161. Sơ thảo lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị xã Sơn Tây. - Sơn Tây: Ban Chấp hành Đảng bộ, 1985. - 63tr.;19 cn

DC.002277

162. Sơ thảo lịch sử Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Hà Tây 1925-1996. - Hà Tây: Ban Chấp hành tỉnh đoàn, 1996. - 268tr.;19 cm

DC.001346

163. SƠM - MƠ, Ben - Gia - Min F.. Vụ tập kích Sơn Tây: sách tham khảo của lực lượng công an nhân dân/ Ben-gia-min F. Sơm-mơ; Người dịch: Lê Trọng Bình, Lâm Hải Hồ. - In lần thứ 2. - H.: Công an nhân dân, 1989. - 336tr.;19 cm

DC.001575, VN.013719,VN.007206,VN.007207

164. Sơn Tây anh dũng. - Hà Tây: Tỉnh đội Sơn Tây. - 19cm

Tập 2. - 1962. - 38tr.

DC.000679

165. Sơn Tây anh dũng . - Hà Tây: Tỉnh đội Sơn Tây. - 19cm

Tập 1. - 1962. - 65tr.

DC.000680, DC.000681

166. Sơn Tây đức chính ký. - Hà Tây: Nxb. Hà Tây, 2004. - 33tr.;27 cm

DC.002976, DC.002977

167. Sơn Tây từ một vùng đất cổ / Nhiều tác giả. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 2002. - 447tr.;20 cm

DC.002576, DC.002686, VN.019226

168. Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì: Kỷ yếu khoa học. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 1997. - 209tr.;19 cm

DC.001590

169. Thạch Thất quê ta. - H.: Phòng Văn hóa thông tin huyện Thạch Thất, 1984 48tr.;25cm

HVL108

170. Thạch Thất trên chặng đường 45 năm sau cách mạng tháng tám 1945-1990 H.: Ban Tuyên giáo, 1990. - 60tr.;19cm

HVV1125, HVV1126

171. THÁI NGỌC LINH. Hà Tây quê tôi / Thái Ngọc Linh. - Hà Tây: Hội Văn học Nghệ thuật, 2003. - 106 tr.;22 cm

DC.003353, DC.002967, VV.005383

172. Thị xã Hà Đông xưa và nay. - Hà Tây, 2004. - 64tr.;30 cm

DC.002942, DC.002943

173. Thơ Hà Tây thế kỷ XX / Tô Hoài, Phượng Vũ chủ biên. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật: Sở Văn hóa Hà Tây, 1997. - 315tr.;19 cm

DC.001549, DC.001550, VN.013307

174. Thơ Hà Tây tuyển chọn 1998 - 2004. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật, 2005. - 382 tr.;20 cm

DC.003387, VN.026290

175. Thường Tín đất danh hương. - H: Sở Văn hóa thông tin Hà Tây, 2004 753tr.;21cm

HVL2395, HVL2396, HVL2397, HVL2398, HVL2399

176. Tổng kết 10 năm Hà Tây chiến đấu và xây dựng 1965-1975. - Hà Tây: [Kn], 1976. - 79tr ; 19 cm

DC.000799, DC.000800

177. Trăm trận trăm cách đánh thắng: Ghi chép về bốn anh hùng Lê Thị Hồng Gấm, Lê Mã Lương, Trịnh Tố Tâm, Bùi Văn Thuyên / Trần Hướng Dương, Khánh Vân, Ngọc Trân. - Hà Tây : Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, 1971. - 78 tr. ; 19 cm

DC.000827

178. TRẦN BẢO HƯNG. Hát Dô hát chèo Tầu : Dân ca Hà Sơn Bình / Trần Bảo Hưng . - Hà Sơn Bình: Ty Văn hóa, 1978. - 219tr.;19 cm

DC.000282, DC.001897, DC.001895, DC.000283

180. TRẦN MINH NHƯƠNG. Nghiên cứu khôi phục và phát triển dân ca Hà Tây Trần Minh Nhương, Đặng Văn Tu, Yên Giang - Hà Tây, 2003. - 135tr.;19 cm

DC.002966

181. TRẦN VĂN NGOẠN. 50 năm phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Hà Tây (1946-1996) / Trần Văn Ngoạn, Giang Ngọc Cần, Đặng Thắng. - Hà Tây: Sở Thể dục thể thao, 1996. - 159tr.;19 cm

DC.002644, DC.002645

182. Truyền thuyết Sơn Tinh / Hà Kỉnh, Đoàn Công Hoạt biên soạn. - Hà Tây: Ty Văn hóa, 1993. - 72tr. ; 19 cm

DC.000813, DC.000815, DC.000814

183. Từ đại hội I đến đại hội XV. - Hà Tây: Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Sơn Tây, 1994. - 81tr.;19 cm

DC.001066, DC.001067

184. Tục ngữ ca dao dân ca Hà Tây. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin thể thao, 1993. - 267tr.;19 cm

DC.000801, VN.009185

185. Tục ngữ ca dao dân ca Hà Tây. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 1975. - 226tr.;19 cm

DC.000854, DC.000855, DC.000857, DC.000858, DC.000856

186. Tuyển tập ca khúc Người Hà Tây: Dâng tặng quê hương nhân dịp kỷ niệm năm ngày thành lập nước (1945-1995). - H.: Âm nhạc, 1995. - 60 tr.;19cm.

DC.001279, DC.001280, VV.002778,VV.002779

187. Ứng Hòa trong hành trình phát triển = Ung Hoa on the Development Itinerary. - H.: Văn hóa thông tin: Công ty văn hóa trí Việt, 2007. - 319tr.;20cm

DC.003519

188. Văn bia Hà Tây/ Nguyễn Tá Nhí, Đặng Văn Tu, Nguyễn Thị Trang...biên soạn . - Hà Tây : Bảo tàng tổng hợp, 1993. - 232tr.;19 cm

DC.000708, DC.000709, DC.000710, DC.000711

189. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tây lần thứ VII. - Hà Tây: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, 1992. - 44tr. ; 19 cm

DC.000884, DC.000885, DC.001584

190. Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII. - Hà Tây: Sở Văn hóa thông tin, 1996. - 68tr.;19 cm

DC.001946, DC.001947

191. Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV: Nhiệm kỳ 2005-2010. - Hà Tây: Đảng bộ tỉnh, 2005. - 80tr.; 20 cm

DC.003164, DC.003165

192. Văn nghệ dân gian Hà Tây: Tuyển chọn / Dương Kiều Minh, Yên Giang, Minh Nhương, Đoàn Công Hoạt tuyển chọn. - Hà Tây: Hội Văn học nghệ thuật, 2005. - 775 tr.; 21 cm

DC.003383, VN.026293

193. VÕ XUÂN ĐÀN. Tư tưởng Nguyễn Trãi trong tiến trình lịch sử Việt Nam /

Võ Xuân Đàn; Trương Hữu Quýnh giới thiệu. - H.: Văn hóa thông tin, 1996. - 144tr.;19 cm

DC.001350, DC.001349, VN.012627, VN.012628, VN.015337

194. Với Nguyễn Nhưng. - H.: Văn hóa, 1998. - 248tr.;19 cm

DC.002315

195. VŨ NGỌC KHÁNH. Nguyễn Trãi trên đất Thanh / Vũ Ngọc Khánh. - H.: Văn hóa thông tin, 2003. - 245tr.; 19cm

VN.020893, DC.002746

196. VŨ NGỌC KHÁNH. Văn thần Việt Nam / Vũ Ngọc Khánh. - H: Văn hóa thông tin, 2006. - 440 tr.;19 cm

DC.003159

197. VŨ BẰNG. 14 gương mặt nhà văn đồng nghiệp / Vũ Bằng, Nguyễn Ánh Ngân biên soạn, Nguyễn Trí Nhàn giới thiệu. - H.: Hội Nhà văn, 2004. - 390tr.;19 cm

DC.002852, DC.002853, VN.021603

198. VŨ TỪ TRANG. Nghề cổ nước Việt: Khảo cứu / Vũ Từ Trang. - H.: Văn hóa dân tộc, 2001. - 366 tr.;19 cm

DC.002402, VN.018281

199. Xuân Quỳnh thơ và đời / Xuân Quỳnh. - H.: Văn hóa, 1995. - 246tr. ; 19cm.

DC.001490, DC.001489, VN.011132

200. YÊN GIANG. Tục tắt đèn đêm hội Giã La: Tìm hiểu truyền thống văn hóa làng một số địa phương tiêu biểu ở Hà Tây / Yên Giang. - H.: Nxb. Thế giới, 2007. - 290tr.;20cm

DC.003286, DC.003287, VN.025892